UBND TỈNH NINH BÌNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

TÌM HIỂU VỀ ĐỘNG TỪ TRONG SÁCH TIẾNG VIỆT 4 -BỘ SÁCH "KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG"

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. LÊ THỊ THU HOÀI
Đơn vị: KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

NINH BÌNH, 2024

UBND TỈNH NINH BÌNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

TÌM HIỂU VỀ ĐỘNG TỪ TRONG SÁCH TIẾNG VIỆT 4-BỘ SÁCH "KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG"

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. LÊ THỊ THU HOÀI
Đơn vị: KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu **Chủ nhiệm nhiệm vụ**

TS. Tạ Hoàng Minh **ThS. Lê Thị Thu Hoài**

NINH BÌNH, 2024

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu 1

2.Tính cấp thiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ 4

3. Mục tiêu nghiên cứu 5

4. Đối tượng nghiên cứu 5

5. Phạm vi nghiên cứu 5

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu 5

NỘI DUNG

Chương 1. CƠ SỞ LÍ LUẬN 7

1.1.Khái niệm động từ 7

1.2.Đặc điểm ngữ pháp của động từ 7

1.2.1. Về ý nghĩa khái quát

1.2.2. Về khả năng kết hợp

1.2.3. Về chức năng ngữ pháp

1.3. Phân loại động từ 11

1.3.1. Động từ không độc lập 11

1.3.2. Động từ độc lập 12

1.4. Vai trò của động từ 15

Chương 2. ĐỘNG TỪ TRONG CÁC VĂN BẢN ĐỌC - HIỂU - SÁCH TIẾNG VIỆT 4- BỘ SÁCH "KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG" 17

2.1. Giới thiệu sách Tiếng Việt 4- Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" 17

2.1.1. Quan điểm biên soạn 17

2.1.2. Những điểm mới trong sách Tiếng Việt 4 18

2.1.3.Cấu trúc sách, các bài học và phương pháp dạy học 21

2.2. Khảo sát số lượng các động từ trong các văn bản đọc - hiểu 25

2.3. Vai trò của động từ trong các văn bản đọc - hiểu 27

2.3.1. Động từ chỉ hoạt động, trạng thái của người 27

2.3.1. Động từ chỉ hoạt động, trạng thái của cây cối, loài vật, đồ vật, cảnh vật, hiện tượng tự nhiên 38
2.4. Thiết kế các dạng bài tập liên quan đến động từ dành cho học sinh Tiểu học 47
2.4.1. Khảo sát các loại bài tập về động từ trong sách giáo khoa Tiếng Việt 4 và Vở bài tập Tiếng Việt 4- Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" 47
2.4.2. Thiết kế các bài tập liên quan đến động từ 51
KẾT LUẬN 56
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN 57
TÀI LIỆU THAM KHẢO 58
PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1.Bảng phân loại nhóm động từ không độc lập..... 12
Bảng 1.2. Bảng tóm tắt phân loại động từ tiếng Việt 15

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1. Tóm tắt quan điểm biên soạn của sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" 17
Hình 2.2. Cấu trúc sách Tiếng Việt 4- Bộ sách " Kết nối tri thức với cuộc sống" 21
Hình 2.3. Cấu trúc bài học trong sách Tiếng Việt 4- Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" 22
Hình 2.4.Minh họa phương pháp dạy học tiếng Việt thông qua thực hành..... 24
Hình 2.5. Minh họa phương pháp dạy học từ loại tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp chức năng **..... 24**
Hình 2.6. Hình ảnh trong phim hoạt hình "Anh và em" 53

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ ngữ được viết tắt	Chữ viết tắt
1	Bổ ngữ	BN
2	Chủ ngữ	CN
3	Danh từ	D
4	Động từ	Đ
5	Định ngữ	ĐN
6	Khởi ngữ	KN
7	Khoa học và công nghệ	KH&CN
8	Tính từ	T
9	Trạng ngữ	TN
10	Vị ngữ	VN

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đề tài "Tìm hiểu về động từ trong sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục gồm 2 chương. Chương 1 nghiên cứu những vấn đề lý thuyết liên quan đến động từ: ý nghĩa ngữ pháp, khả năng kết hợp, chức năng ngữ pháp, phân loại. Chương 2 khảo sát tìm hiểu về vai trò của các động từ trong các văn bản đọc – hiểu. Trên cơ sở khảo sát các bài tập đã có trong sách Tiếng Việt 4 và Vở bài tập Tiếng Việt 4, đề tài đề xuất xây dựng một số bài tập liên quan đến động từ. Nếu như chương 1 mang tính kế thừa kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước thì chương 2 chủ yếu là những đóng góp mới của đề tài: khảo sát số lượng động từ; chỉ ra vai trò của các động từ trong các văn bản đọc - hiểu; xây dựng các bài tập bổ sung liên quan đến động từ. Vì vậy đây là đề tài có giá trị thực tiễn, góp phần làm phong phú thêm tài liệu tham khảo cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học. Với những kết quả nghiên cứu nêu trên đề tài đạt được các mục tiêu nghiên cứu đã đề ra.

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Vấn đề về từ loại trong đó có động từ là vấn đề cổ truyền của ngữ pháp học, đúng hơn là ngữ pháp học truyền thống. Học thuyết về từ loại ra đời từ thời cổ đại Hy Lạp, gắn với tên tuổi của nhà triết học Aritxtot. Thời điểm đó ông đã đặt từ loại trong mối quan hệ với logic học. Ông rất chú ý tới tính chất vị ngữ của động từ. Đến thế kỉ XIX, giới ngôn ngữ học đã không còn tìm cách đồng nhất từ loại với các phạm trù của logic nữa. Từ những năm 70 của thế kỉ XX,với sự ra đời của ngữ pháp chức năng, cùng với câu, động từ được chú ý nghiên cứu ở ba bình diện: kết học, nghĩa học, dụng học.

Ở Việt Nam, vấn đề từ loại trong đó có động từ đã được chú ý nghiên cứu từ rất sớm. Việc nghiên cứu này có thể chia làm 3 giai đoạn.

Giai đoạn 1, ở nửa cuối thế kỉ XIX, thiên hướng chung của giai đoạn nghiên cứu này là "*thực hành*" và "*mô phỏng*". Từ loại tiếng Việt trong đó có động từ được miêu tả có đặc điểm ngữ pháp giống với ngữ pháp châu Âu.

Giai đoạn 2, nửa đầu thế kỉ XX, đã có những công trình nghiên cứu nhận xét tinh tế về từ loại trong đó có động từ. Điều này có thể thấy ở cuốn " Việt Nam văn phạm" của Trần Trọng Kim- Bùi Kỉ - Phạm Duy Khiêm .

Giai đoạn 3, từ sau Chiến tranh thế giới thứ 2 tới nay, việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt nói chung, từ loại nói riêng có nhiều biến chuyển nổi bật. Các nhà nghiên cứu đã xác định được đặc trưng bản chất ngữ pháp của từ và đề xuất được các tiêu chuẩn phân định từ loại (trong đó có động từ) một cách khách quan. Các thao tác phân loại từng bước được xây dựng và chi tiết hóa.

Có thể kể đến các công trình nghiên cứu về động từ của các nhà ngôn ngữ học như Lê Văn Lý, Nguyễn Tài Cẩn, Nguyễn Kim Thản, Nguyễn Phú Phong, Diệp Quang Ban, Đinh Văn Đức, Nguyễn Văn Hiệp, Đào Thanh Lan….Quan điểm nghiên cứu về động từ của phần lớn các tác giả nói trên được xuất bản thành giáo trình, sách tham khảo, được đưa vào giảng dạy tại các trường đại học uy tín có ngành học liên quan tại Việt Nam. Những công trình ngữ pháp này đã trình bày những đặc điểm cơ bản về động từ tiếng Việt: khái

niệm, đặc điểm ngữ pháp, phân loại…. theo các khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ học thế giới, từ ngữ pháp cấu trúc đến ngữ pháp chức năng.

Bên cạnh đó cũng có những luận văn, luận án nghiên cứu chuyên sâu về động từ tiếng Việt như: "*Sự chi phối của động từ trong tiếng Việt*" của Phùng Thị Huyền [24]. Luận văn này đã chỉ ra sự chi phối của động từ với diễn tố chủ thể, diễn tố đối thể trong tiếng Việt. Luận án Tiến sĩ ngôn ngữ học: *"Nhóm động từ chỉ hoạt động nhận thức trong tiếng Việt"* (liên hệ với tiếng Anh) của Nguyễn Thị Thu Hà [16] đã chỉ ra những đặc điểm của nhóm động từ chỉ hoạt động nhận thức trong tiếng Việt theo ngữ nghĩa học. Từ đó vận dụng một số nội dung nghiên cứu của ngữ nghĩa học để nghiên cứu hiện tượng chuyển nghĩa và đa nghĩa của một số động từ nhận thức trong sự liên hệ đối chiếu với nhóm động từ này của tiếng Anh. Đi theo hướng nghiên cứu ngữ pháp chức năng, luận án " *Khảo sát các động từ tình thái trong tiếng Việt"* của Bùi Trọng Ngoãn [5] đã làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận về nhóm động từ tình thái tiếng Việt ở ba bình diện: nghĩa học, kết học, dụng học. Trên cơ sở đó chỉ rõ vai trò của động từ tình thái với tư cách là một từ loại biểu thị các nội dung tình thái của câu, góp phần xây dựng bức tranh toàn cảnh về lớp động từ tình thái tiếng Việt.

Động từ cũng được đưa vào giảng dạy trong sách Tiếng Việt 4 của chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018 với những kiến thức sơ giản phù hợp với khả năng nhận thức của các em học sinh Tiểu học.

Với sự đổi mới về chương trình giáo dục, hiện nay, các trường Tiểu học trong cả nước được quyền lựa chọn một trong ba bộ sách là: "Kết nối tri thức với cuộc sống", "Cánh diều", "Chân trời sáng tạo" để giảng dạy. Tuy có những chủ điểm khác nhau nhưng sách Tiếng Việt 4 của cả ba bộ sách trên đều rất chú ý đến việc lựa chọn ngữ liệu văn bản.

Ngữ liệu văn bản đọc trong sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" bao gồm nhiều kiểu loại văn bản khác nhau: văn bản thơ, văn bản truyện, văn bản kịch, văn bản thông tin của nhiều tác giả trong nước và trên thế giới như : Ni - cô - lai Nô - xốp, Xu - khôm - lin-xki, Tố Hữu, Trương Nam Hương, Phan Thị Thanh Nhàn, Xuân Quỳnh, Băng Sơn, Nguyễn Phan Hách,Võ

Thanh An...Các tác phẩm của các tác giả này là đối tượng nghiên cứu của một số công trình khoa học, như luận văn Thạc sĩ Ngữ văn: "*Cảm hứng, hình ảnh và ngôn từ nghệ thuật trong thơ Trương Nam Hương*" của Ngô Thị Vĩnh Duy [14]. Luận văn đã nghiên cứu thơ Trương Nam Hương trên ba phương diện: cảm hứng, hình ảnh, ngôn từ, từ đó khẳng định những đóng góp nhất định của Trương Nam Hương trong nền văn học Việt Nam nói chung và thơ ca đương đại nói riêng. Hay luận văn Thạc sĩ:*"Đặc điểm thơ Phan Thị Thanh Nhàn"* của Phạm Thị Nụ [23] nghiên cứu về cảm hứng chủ đạo, nhân vật trữ tình, nghệ thuật thể hiện trong thơ Phan Thị Thanh Nhàn. Mặc dù đã đề cập đến đặc điểm ngôn từ, nghệ thuật thể hiện nhưng các công trình nghiên cứu nói trên cũng chưa nghiên cứu một cách có hệ thống về vai trò của động từ trong các văn bản thơ của Trương Nam Hương và Phan Thị Thanh Nhàn. Trong khi đó cũng có luận văn nghiên cứu trực tiếp vai trò của động từ trong các văn bản thơ như: " *Động từ chỉ sự vận động di chuyển trong thơ Tố Hữu*" của Mai Thị Yến [13]. Công trình này đã thống kê và chỉ ra đặc điểm ngữ pháp, vai trò của động từ di chuyển có hướng trong thơ Tố Hữu ở hai phương diện. Thứ nhất, động từ vận động di chuyển có hướng góp phần thể hiện tư thế của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Thứ hai, động từ vận động di chuyển có hướng góp phần thể hiện khí thế của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Ngoài ra cũng có một số bài báo đề cập đến cách sử dụng động từ của các nhà thơ như "*Đặc điểm ngôn ngữ thơ Xuân Diệu và Xuân Quỳnh*" của tác giả Võ Xuân Hào, Huỳnh Lê Chi Hải. Bài báo đã đưa ra những nhận xét đối chiếu so sánh về đặc điểm ngôn ngữ thơ của Xuân Diệu và Xuân Quỳnh trên các phương diện: nhạc tính trong ngôn từ, ngôn từ nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật. Về cách sử dụng từ ngữ của Xuân Quỳnh, trong đó có động từ, tác giả bài báo nhấn mạnh: "*Ngược với thơ Xuân Diệu, Xuân Quỳnh lại có cách thể hiện khác, nhà thơ ưu tiên sử dụng từ ngữ đơn giản, gần gũi với ngôn ngữ đời thường nhưng biết cách đặt vào vị trí phù hợp nhất. Vì vậy mà ngôn từ trong thơ Xuân Quỳnh có tính biểu cảm cao*" [31]. Với luận điểm này, tác giả bài báo đã lấy ví dụ so sánh về cách sử dụng động từ "*tan*" của hai nhà thơ trong hai bài thơ đều nói về tình yêu. Qua so sánh, tác giả bài báo

khẳng định: " *cách thể hiện của Xuân Quỳnh có phần kín đáo, nhẹ nhàng và đằm thắm hơn*" [31]

Như vậy, mặc dù đã có những nghiên cứu về động từ tiếng Việt nói chung và động từ trong các văn bản thơ nói riêng nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống về các động từ trong các văn bản đọc hiểu của sách Tiếng Việt 4- Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống". Do vậy chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài: "Tìm hiểu về động từ trong sách Tiếng Việt 4- Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống"

2.Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN

Động từ là một trong những từ loại cơ bản quan trọng của các ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng. Cùng với tính từ, động từ tạo nên một thành phần cơ bản trong cấu trúc nòng cốt câu đó là vị ngữ. Vì động từ nêu lên đặc trưng của các thực thể. Trong mỗi một hệ thống ngôn ngữ, động từ chiếm số lượng tương đối lớn. Và trong vốn từ vựng của mỗi người, động từ cũng đóng vai trò quan trọng để truyền tải nội dung thông tin, giao tiếp. Chính bởi những lí do đó, động từ luôn là nội dung giảng dạy quan trọng trong các học phần Tiếng Việt ở các trường Đại học có đào tạo các ngành học liên quan. Cụ thể tại trường Đại học Hoa Lư, từ loại động từ được giảng dạy trong học phần Tiếng Việt 2, ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học với thời lượng 3 tín chỉ.

Trong chương trình Ngữ văn dành cho Tiểu học của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, khái niệm liên quan đến động từ như: "từ chỉ hoạt động" cũng đã được đưa vào giảng dạy ngay từ năm lớp 2. Đến lớp 4, từ loại động từ được đưa vào nội dung chương trình, với những kiến thức sơ giản dành cho các em học sinh Tiểu học: đặc điểm, chức năng. Hiện nay, sách Tiếng Việt 4 của ba bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống", "Chân trời sáng tạo", "Cánh diều" đều có những bài dạy về động từ trong phần Luyện từ và câu.

Bên cạnh các bài dạy trực tiếp về động từ, trong các văn bản đọc của sách Tiếng Việt 4 của các bộ sách nói trên đều chứa đựng số lượng lớn các loại động từ. Với các chủ đề phong phú, thể loại văn bản đa dạng, các văn bản đọc đã không chỉ giúp các em học sinh Tiểu học có những bài học ý nghĩa về cuộc sống, về lòng

yêu thương, về ước mơ, về sự say mê sáng tạo …mà các em còn được cung cấp một số lượng lớn các loại động từ nói riêng và các từ loại khác nói chung. Điều này rất hữu ích cho sự hoàn thiện nhân cách, phát triển tư duy của học sinh Tiểu học. Vì giữa ngôn ngữ và tư duy có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau.

Hơn nữa, hiện nay, tại tỉnh Ninh Bình, hầu hết các trường Tiểu học đều chọn sách Tiếng Việt - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" là tài liệu giảng dạy chính thức cho học sinh.

Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài: *" Tìm hiểu về động từ trong sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống"*

3. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài khảo sát, tìm hiểu đặc điểm ngữ pháp ngữ nghĩa của động từ trong các văn bản đọc - hiểu của sách Tiếng Việt 4- Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống". Trên cơ sở đó thiết kế xây dựng các dạng bài tập tiếng Việt liên quan đến động từ dành cho học sinh Tiểu học.

4. Đối tượng nghiên cứu

Từ loại động từ trong các văn bản đọc - hiểu của sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống"

5. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu các văn bản đọc - hiểu trong sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống".

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận từ lý thuyết nghiên cứu về từ loại động từ đến vận dụng để nhận diện các đặc điểm ngữ pháp ngữ nghĩa, vai trò của động từ trong các văn bản đọc cụ thể. Từ đó xây dựng các dạng bài tập cần thiết liên quan đến động từ dành cho học sinh Tiểu học.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

* Phương pháp nghiên cứu lý thuyết:

- Nghiên cứu về đặc điểm ngữ pháp, ngữ nghĩa của động từ tiếng Việt.

- Nghiên cứu về nội dung, chương trình, phương pháp dạy học tiếng Việt lớp 4- Bộ sách *"Kết nối tri thức với cuộc sống"*

*Phương pháp khảo sát, thống kê, phân loại:

- Khảo sát số lượng, phân loại các từ loại động từ trong các văn bản đọc của sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống"

*Phương pháp phân tích, tổng hợp

- Chỉ ra vai trò của từ loại động từ trong các văn bản đọc - hiểu của sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống".

NỘI DUNG

Chương 1. CƠ SỞ LÍ LUẬN

Hiện nay, tại Trường Đại học Hoa Lư chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học lựa chọn giáo trình Tiếng Việt 1,2,3 của tác giả Lê A, Đỗ Xuân Thảo, Phan Phương Dung, Đặng Kim Nga là tài liệu giảng dạy chính thức cho sinh viên. Trong đó, giáo trình Tiếng Việt 3 của Lê A (chủ biên) cung cấp một cách tương đối đầy đủ hệ thống về đặc điểm, phân loại động từ tiếng Việt. Do vậy, dưới đây chúng tôi sẽ trình bày những vấn đề lý thuyết về động từ dựa theo quan điểm của Lê A.

1.1.Khái niệm động từ

Theo tác giả Đinh Văn Đức: "*xưa nay các sách giáo khoa vẫn định nghĩa động từ là từ chỉ hành động, trạng thái của sự vật*" [9, 127]. Có thể kể đến một số định nghĩa sau:

"*Động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.*" [19, 75]

"*Động từ là từ chỉ hoạt động hoặc chỉ trạng thái của sự vật*" [17, 28]

"*Động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật*" [1, 41]

Như vậy định nghĩa về động từ trong nhiều sách giáo khoa Tiếng Việt Tiểu học đều chỉ hướng tới đặc điểm về ý nghĩa khái quát mà không đề cập đến những đặc điểm ngữ pháp khác của động từ như chức năng ngữ pháp, khả năng kết hợp. Cách định nghĩa này phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh Tiểu học.

Trong khi đó, một số sách chuyên khảo về động từ tiếng Việt (gồm sách giáo trình, sách nghiên cứu) trong đó có Tiếng Việt 3 của Lê A cũng không hướng đến việc đưa ra khái niệm động từ mà trình bày đầy đủ những đặc điểm ngữ pháp về động từ: ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp, chức vụ cú pháp. Đi theo hướng này, dưới đây chúng tôi sẽ trình bày đầy đủ những đặc điểm ngữ pháp của động từ. Điều này, giúp chúng tôi có cái nhìn tổng thể toàn diện hơn khi nghiên cứu về động từ.

1.2.Đặc điểm ngữ pháp của động từ

1.2.1. Về ý nghĩa khái quát

Động từ có ý nghĩa khái quát chỉ hoạt động, trạng thái, tình thái hay quan hệ. Đó là những dạng thức vận động, biến chuyển của sự vật về vật lí, tâm lí, sinh lí.

Ví dụ: **đi, đứng, nói, cười, yêu, ghét**

1.2.2. Về khả năng kết hợp

1.2.2.1. Động từ có khả năng kết hợp với các phụ từ và các thực từ ở phía trước nó

a. Kết hợp với các phụ từ

(1). Kết hợp với các phụ từ cầu khiến: *hãy, đừng, chớ*..

Ví dụ: hãy **ngủ**, hãy **làm**, chớ **quên**…

(2). Kết hợp với các phụ từ chỉ thời - thể: *đã, sẽ, đang*..

Ví dụ: đã **về**, đang **đến**, sẽ **đi**….

(3). Kết hợp với phụ từ chỉ sự tiếp diễn, tương tự, đồng nhất: *vẫn, cũng*

Ví dụ: vẫn **khóc**, lại **ăn**, cũng **mua**…

(4). Kết hợp với các phụ từ chỉ sự khẳng định/ phủ định: *không,chưa, chẳng, chả…*

Ví dụ: không **buồn**, chưa **muốn**, chẳng **vui**…

(5). Kết hợp với các phụ từ chỉ tần suất: *hay, năng*..

Ví dụ: năng **đi**, hay **đọc**

(6). Kết hợp với các phụ từ chỉ mức độ: *quá, rất*..

Ví dụ: quá **buồn,** rất **thương**

Trong quá trình sử dụng không phải tất cả các nhóm phụ từ trên đây đều có thể cùng đồng thời xuất hiện trước một động từ. Vị trí các phụ từ trước các động từ cũng không cố định.

- Các phụ từ chỉ ý tiếp diễn, đồng nhất thường đứng trước các phụ từ chỉ thời thể hoặc các phụ từ chỉ khẳng định/phủ định

Ví dụ: đều đã **làm** bài tập

đều không **làm** bài tập

- Các phụ từ chỉ thời thể thường đứng trước phụ từ chỉ mức độ hoặc phụ từ khẳng định/ phủ định

Ví dụ: đều rất **vui**

cũng chẳng **lo sợ**

- Các phụ từ cầu khiến thường đứng trước phụ từ chỉ tần suất hoạt động hay trạng thái.

Ví dụ: đừng hay **làm** vậy

b.Kết hợp với các thực từ

- Từ tượng thanh: các từ này thường có hai âm tiết mô tả lại âm thanh của một hoạt động hay quá trình phát ra.

Ví dụ: Mưa *lộp độp* **rơi**.

- Hoặc miêu tả hình ảnh cụ thể của hoạt động hay quá trình. Các thực từ này thường có cấu tạo gồm hai âm tiết và là từ láy

Ví dụ: Nước *ào ào* **chảy**.

Các thực từ trên có vị trí linh hoạt, có thể đứng trước hoặc sau động từ.

Ví dụ: Mưa **rơi** *lộp độp*.

Nước **chảy** *ào ào*.

- Nhóm động từ chỉ sự di chuyển có hướng (*ra, vào, lên xuống, sang, qua, về, lại, đến, tới)* có thể có thành tố phụ là các thực từ chỉ nơi xuất phát. Các thực từ này thường có các quan hệ từ đi trước: *từ, ở* hoặc phối hợp với các từ chỉ vị trí : *trên, dưới, trong, ngoài…*

Ví dụ: Từ nhà **ra** đồng

Từ dưới quê **lên**

1.2.2.2. Động từ có khả năng kết hợp với các hư từ, các thực từ ở phía sau nó

a.Các nhóm hư từ

(1). Nhóm phụ từ chỉ ý mệnh lệnh, cầu khiến: *đã* (với ý nghĩa: hãy kết thúc một hành động trước khi thực hiện một hành động khác), *đi, nào, thôi…*

Ví dụ: **học** đã (học xong rồi mới làm việc khác), **ăn** đi, **ngủ** thôi

(2). Nhóm từ chỉ ý hoàn tất: *xong, rồi (xong: hoàn tất kết thúc một hành động; rồi: hoàn thành một bước, một giai đoạn của hành động)*

Ví dụ*:* **học** xong, **làm** rồi

Từ *xong* không kết hợp với các động từ chỉ trạng thái hay quá trình. Vì các động từ này không có giới hạn, không có điểm kết thúc.

Ví dụ: không thể nói: Họ **vui** xong

(3). Nhóm phụ từ chỉ kết quả: *được, mất, phải, ra (được: chỉ kết quả tốt, làm vừa lòng; phải: chỉ kết quả xấu, không vừa lòng; mất: chỉ kết quả xấu, có ý tiếc nuối)*

Ví dụ: **vấp** phải gai, **mua** được cái áo rẻ đẹp

(4). Nhóm phụ từ chỉ ý tự lực hoặc tương hỗ, cộng tác: *lấy, cùng, nhau, với…(lấy: chỉ sự tự lực; nhau: chỉ sự tương hỗ)*

Ví dụ: **học** cùng, **làm** lấy, **chơi** với

(5). Nhóm phụ từ chỉ mức độ: *quá, lắm, vô cùng, cực kì…*

Ví dụ: **vui** lắm, **buồn** cực kì

(6). Nhóm phụ từ chỉ sự tiếp diễn trong thời gian (*luôn, ngay, hoài, mãi, nữa..),* chỉ tính cấp thiết (*ngay, liền),* chỉ tính không cấp thiết (*dần, dần dần, từ từ…)*

Ví dụ: **đi** ngay, **học** mãi, **luyện tập** dần dần

(7). Nhóm phụ từ chỉ hướng: *ra, vào, lên, xuống, qua, lại, tới, lui…*Các phụ từ này dùng sau các động từ không chỉ hoạt động tự di chuyển hoặc dời chuyển đối tượng, nhóm này chỉ hướng trừu tượng (không phải hướng trong không gian).

Ví dụ: **nói** ra **nói** vào, **nghĩ** tới **nghĩ** lui

b. Động từ kết hợp với các thực từ ở phía sau

Các thực từ đều có thể kết hợp với các động từ ở phía sau

- Danh từ: Ví dụ: **ăn** cơm, **đọc** sách, **xóa** bảng
- Tính từ: Ví dụ: **ăn** nhanh, **đọc** nhiều, **bay** thấp
- Động từ: Ví dụ: **muốn** về, **học** hát
- Đại từ: Ví dụ: **cho** nó, **ngồi** đấy

1.2.3. Về chức năng ngữ pháp

Chức năng tiêu biểu nhất của động từ là vị ngữ. Ngoài ra động từ còn đảm nhiệm những chức năng ngữ pháp khác: chủ ngữ, bổ ngữ, định ngữ, trạng ngữ

+ Động từ làm vị ngữ

Ví dụ: Em bé <u>khóc.</u>

VN (Đ)

+ Động từ làm chủ ngữ

Ví dụ: Lao động là vinh quang.

CN (Đ)

+ Động từ làm bổ ngữ

Ví dụ: Bạn cần học hành chăm chỉ hơn.

Đ BN (Đ)

+ Động từ làm định ngữ

Ví dụ: Người giúp đỡ tôi đã về rồi.

D ĐN (Đ)

+ Động từ làm trạng ngữ

Ví dụ: Thán phục, mọi người đều đứng dậy vỗ tay

TN (Đ)

1.3. Phân loại động từ

Có nhiều tiêu chí khác nhau để phân loại động từ tiếng Việt như: dựa vào các phụ từ đi kèm; dựa vào khả năng chi phối của động từ với các thành tố phụ sau; dựa vào khả năng hoạt động độc lập; dựa vào ý nghĩa khái quát…Trong đó, giáo trình Tiếng Việt 3 của Lê A đã dựa vào đồng thời 2 tiêu chí : căn cứ vào khả năng hoạt động độc lập và ý nghĩa khái quát để phân loại động từ thành hai loại lớn:

+ Động từ không độc lập

+ Động từ độc lập

1.3.1. Động từ không độc lập

* Động từ không độc lập: là những động từ thường không đứng một mình để đảm nhiệm vai trò ngữ pháp trong câu mà phải kết hợp với một từ khác hoặc cụm từ khác đi sau làm thành tố phụ. Hay nói cách khác để đảm nhiệm được vai trò ngữ pháp trong câu, các động từ không độc lập luôn đòi hỏi kết hợp với các từ khác, thành tố phụ khác.

Ví dụ: Không thể nói:

Anh ấy **muốn**

Bạn **cần**

Công chúa **biến thành**

Các động từ *muốn, cần, biến thành* là những động từ không độc lập. Để đảm bảo cho câu được hoàn chỉnh về mặt ý nghĩa ngữ pháp, các động từ trên phải có sự kết hợp thêm với các thành tố khác.

Ví dụ: Chúng ta có thể thêm vào như sau:

Anh ấy **muốn đi chơi**

Bạn **cần cố gắng nhiều hơn nữa**

Công chúa **biến thành con thiên nga xinh đẹp**

Tính chất không độc lập của các động từ nhóm này chỉ mang tính chất tương đối. Trong điều kiện về ngữ cảnh và văn cảnh nhất định, động từ không độc lập có thể được dùng một mình làm thành phần câu. Lúc này, nhờ ngữ cảnh, văn cảnh nhất định mà ý nghĩa của câu đã hoàn chỉnh.

Ví dụ:

Giáo viên: Bạn nào **có thể** viết được kịch bản này

Học sinh A: Em **có thể** ạ!

Bảng 1.1.Bảng phân loại nhóm động từ không độc lập

(I)Nhóm động từ tình thái					(II)Nhóm động từ chỉ sự biến hóa: **hóa, hóa thành, trở nên,**	(III)Nhóm động từ chỉ sự diễn tiến của hoạt động: **bắt đầu, tiếp tục, bỏ, kết thúc**	(IV)Nhóm động từ quan hệ	
Động từ chỉ sự cần thiết: **phải, cần, nên**	Động từ chỉ khả năng: **có thể, chưa thể,**	Động từ chỉ ý chí: **định, toan, dám, nỡ**	Động từ chỉ nguyện vọng, mong muốn: **mong, muốn**	Động từ chỉ tình trạng tiếp thụ, chịu đựng: **bị, được phải, mắc**			Động từ chỉ quan hệ đồng nhất: **là, làm**	Động từ chỉ quan hệ sở thuộc: **có, gồm, thuộc về, bao gồm**

1.3.2. Động từ độc lập

* Là những động từ có thể dùng được một mình khi đảm nhiệm các chức năng ngữ pháp trong câu. Đây là loại động từ có số lượng lớn, gồm nhiều tiểu loại.

Dựa theo ý nghĩa khái quát và khả năng chi phối thành tố phụ, các động từ này thường được chia thành 2 nhóm: nội động từ và ngoại động từ

1.3.2.1. Nội động từ

a.Về ý nghĩa: Nội động từ chỉ hoạt động, trạng thái tự thân, không tác động tới đối tượng bên ngoài.

b. Về khả năng kết hợp với các thành tố phụ: Vì có ý nghĩa chỉ hoạt động trạng thái tự thân, không tác động tới đối tượng bên ngoài nên các nội động từ không thể có thành tố phụ (trực tiếp) chỉ đối tượng tác động.

c.Phân loại

Nội động từ gồm 4 nhóm nhỏ như sau:

(1). Nhóm động từ chỉ tư thế: **đứng, ngồi, nằm,**

(2). Nhóm động từ chỉ sự tự di chuyển: **bò, chạy, ra, vào, lên, xuống**....

(3). Nhóm động từ chỉ trạng thái tâm lí, sinh lí: **lo sợ, mệt mỏi, day dứt….**

(4). Nhóm động từ chỉ trạng thái tồn tại: **có, còn, hết, mất**...

1.3.2.2. Ngoại động từ

a.Về ý nghĩa: Chỉ những hoạt động có chuyển đến, tác động đến một đối tượng nào đó.

b. Về khả năng kết hợp với các thành tố phụ: các động từ ngoại động thường đòi hỏi thành tố phụ sau (trực tiếp) chỉ đối tượng tác động

Ví dụ: <u>đánh</u> <u>giặc</u>

Đ BN (thành tố phụ sau bổ sung trực tiếp cho động từ)

<u>chặt</u> <u>cây</u>

Đ BN (thành tố phụ sau bổ sung trực tiếp cho động từ)

c. Phân loại

Căn cứ vào ý nghĩa tiểu phạm trù và khả năng chi phối các thành tố phụ sau, có thể chia ngoại động từ thành 7 nhóm nhỏ như sau:

(1).Nhóm động từ tác động: chỉ hành động tác động vào đối tượng làm hình thành, hủy diệt, biến đổi đối tượng: **đóng** *(vở)*, **nấu** *(cơm)*, **phá** *(nhà)*

Ví dụ: xây cầu

Đ BN

(2). Nhóm động từ chỉ sự di chuyển đối tượng trong không gian: **kéo** *(thuyền)*, **lôi** *(thùng hàng)*, **đẩy** *(thuyền)*…

Ví dụ: un bàn

Đ BN

(3). Nhóm động từ chỉ hoạt động phát nhận: **tặng, cho, biếu, vay, mượn**…

Ví dụ: biếu bà bộ quần áo

Đ BN1 BN2

(4). Nhóm động từ chỉ hoạt động nối kết các đối tượng: **buộc, nối, hòa, trộn, hợp nhất, pha, liên kết**…

Ví dụ: pha cà phê với sữa

Đ BN1 BN2

(5). Nhóm động từ chỉ hoạt động cầu khiến, gây khiến: **bắt, nhờ, đề nghị, sai khiến, yêu cầu…**

Ví dụ: yêu cầu học sinh làm bài

Đ BN

(6). Nhóm động từ chỉ hoạt động đánh giá đối tượng: **gọi, lấy, coi, bầu, cử, chọn…**

Ví dụ: bầu Bạn Hưng làm lớp trưởng

Đ BN

(7).Nhóm động từ chỉ các hoạt động cảm giác, tri giác, nhận thức, nói năng: **biết, nghĩ, thấy, nói, phát biểu**…..

Ví dụ: thấy cô giáo giảng bài hay quá

Đ BN

Ranh giới giữa các nhóm động từ nêu trên chỉ mang tính chất tương đối. Trong hoạt động, động từ có thể chuyển tiểu loại, chuyển nhóm. Lúc đó ý nghĩa và khả năng chi phối thành tố phụ của động từ thay đổi.

Bảng 1.2. Bảng tóm tắt phân loại động từ tiếng Việt

<table>
<tr><td rowspan="14">Động từ</td><td rowspan="4">Động từ không độc lập</td><td colspan="2">1.Động từ tình thái</td></tr>
<tr><td colspan="2">2.Động từ chỉ sự biến hóa</td></tr>
<tr><td colspan="2">3.Động từ chỉ sự diễn tiến của hoạt động</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.Động từ quan hệ</td></tr>
<tr><td rowspan="10">Động từ độc lập</td><td rowspan="4">Nội động từ</td><td>(1).Động từ chỉ tư thế</td></tr>
<tr><td>(2).Động từ chỉ sự tự di chuyển</td></tr>
<tr><td>(3).Động từ chỉ trạng thái tâm li,sinh lí</td></tr>
<tr><td>(4).Động từ chỉ trạng thái tồn tại</td></tr>
<tr><td rowspan="6">Ngoại động từ</td><td>(1). Động từ tác động</td></tr>
<tr><td>(2). Động từ chỉ sự di chuyển đối tượng trong không gian</td></tr>
<tr><td>(3). Động từ chỉ hoạt động phát nhận</td></tr>
<tr><td>(4). Động từ chỉ hoạt động nối kết các đối tượng</td></tr>
<tr><td>(5).Động từ chỉ hoạt động cầu khiến</td></tr>
<tr><td>(6). Động từ chỉ hoạt động đánh giá đối tượng</td></tr>
<tr><td colspan="2">(7). Động từ chỉ các hoạt động cảm giác, tri giác nhận thức, nói năng</td></tr>
</table>

1.4. Vai trò của động từ

Là một trong những từ loại quan trọng trong hệ thống ngôn ngữ, về mặt ý nghĩa động từ đảm nhiệm vai trò nêu lên hoạt động, trạng thái của chủ thể (thường do danh từ đảm nhiệm). Do vậy về mặt chức năng động từ thường đảm nhiệm vai trò vị ngữ trong câu. Trong cấu tạo của câu, động từ có thể một mình đảm nhiệm vai trò vị ngữ (Thường là một số động từ nội động từ chỉ tư thế, chỉ sự tự di chuyển, trạng thái)

Ví dụ: Cô ấy vui.

CN VN (Đ)

Khi đảm nhiệm vai trò vị ngữ trong câu, động từ thường có sự kết hợp với các thành tố phụ phía trước và phía sau nó. Lúc này động từ đã phát triển về cấu tạo trở thành các cụm động từ. Trong cụm động từ đó, động từ giữ vai trò trung tâm chi phối toàn bộ ý nghĩa, cấu tạo, quyết định vai trò ngữ pháp của toàn bộ cụm từ.

Ví dụ: Cô ấy đang rất vui

CN VN (*cụm Đ trong đó có "vui" là Đ trung tâm*)

Tiểu kết

Như vậy, trong chương 1, chúng tôi đã trình bày những vấn đề lý thuyết liên quan đến động từ: ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp, chức năng ngữ pháp. Trong tiêu chí khả năng kết hợp, chúng tôi có trình bày thêm sự kết hợp của động từ với thực từ ở phía trước và sự kết hợp của động từ với phần phía sau. Điều này giúp chúng tôi có nhiều thuận lợi hơn khi khảo sát nhận diện động từ trong các văn bản đọc - hiểu ở sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" và xây dựng thiết kế các bài tập về động từ dành cho học sinh Tiểu học.

Chương 2. ĐỘNG TỪ TRONG CÁC VĂN BẢN ĐỌC - HIỂU - SÁCH TIẾNG VIỆT 4- BỘ SÁCH "KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG"

2.1.Giới thiệu sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách"Kết nối tri thức với cuộc sống"

Sách Tiếng Việt 4- Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" do tác giả Bùi Mạnh Hùng -Tổng Chủ biên, được biên soạn theo yêu cầu đổi mới của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018. Bộ sách là kết quả tâm huyết của các tác giả với mong muốn mang đến cho các em học sinh Tiểu học những kiến thức đơn giản dễ hiểu nhất về văn học và tiếng Việt. Giúp các em có được những say mê, khám phá, trải nghiệm trong cuộc sống qua đó thêm yêu văn học và tiếng Việt. Từ đó giúp các em hình thành những năng lực ngôn ngữ, văn chương và nhân cách tốt đẹp của con người.

Với mục tiêu chung của bộ sách là kết nối tri thức với cuộc sống, sách Tiếng Việt 4 thể hiện một cách tiếp cận mới mẻ, hiện đại, nhất quán với tinh thần đổi mới đã triển khai từ sách Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3.

2.1.1. Quan điểm biên soạn

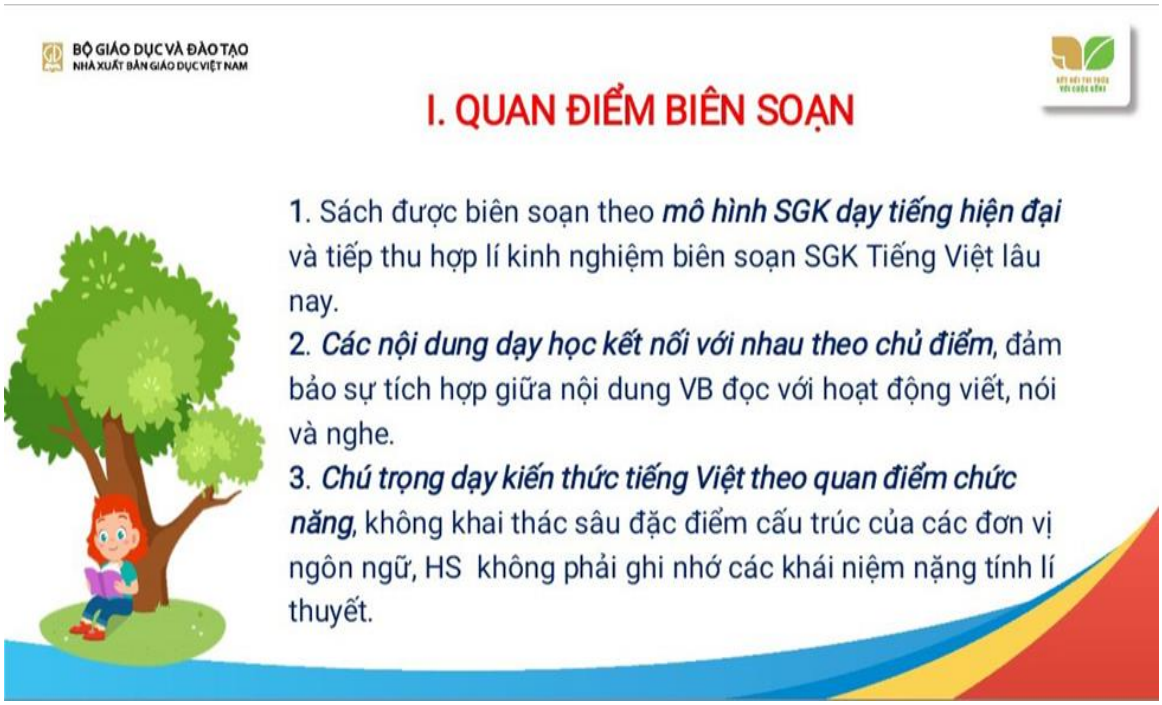

Hình 2.1. Tóm tắt quan điểm biên soạn của sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" [30]

Tiếng Việt 4 chú trọng khai thác vốn tiếng Việt vốn có của học sinh với tư cách là người bản ngữ. Tăng cường cơ hội để học sinh thực hành, hạn chế

yêu cầu học sinh nắm kiến thức ngôn ngữ. Kiến thức ngôn ngữ và văn học được tích hợp trong dạy các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, gắn với những ngữ cảnh tự nhiên, gần gũi với đời sống của các em học sinh. Từ đó giúp các em có khả năng vận dụng thực hành kiến thức ngôn ngữ văn học vào đời sống thực tế.

Tiếng Việt 4 tiếp tục phát triển 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết mà các em đã được hình thành ở lớp 1,2,3. Đồng thời chú ý đến tính vừa sức đối với học sinh.

2.1.2. Những điểm mới trong sách Tiếng Việt 4

a. Sách được biên soạn theo mô hình hiện đại, có kế thừa và tiếp thu hợp lí kinh nghiệm biên soạn sách Tiếng Việt lâu nay tại Việt Nam. Các văn bản trong một bài học có sự gắn kết với nhau theo từng chủ điểm, đảm bảo sự tích hợp với các hoạt động viết, nghe, nói và kết nối với kiến thức tiếng Việt, văn học trong chương trình. Các bài học được thiết kế theo hoạt động giao tiếp, thực hành, vận dụng giúp cho hoạt động dạy học gắn với thực tế. Qua đó tạo được hứng thú của người học, giúp cho quá trình dạy học phát triển được năng lực của học sinh.

Tính hiện đại trong việc thiết kế sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách " Kết nối tri thức với cuộc sống" được thể hiện như sau: sách được thiết kế dạy học theo từng kĩ năng: đọc, viết, nói, nghe. Đây là điểm khác biệt so với các bộ sách Tiếng Việt năm 2000 - các bộ sách này thiết kế dạy học theo từng phân môn: Tập đọc, Chính tả, Tập làm văn, Luyện từ và câu. Như vậy, theo chương trình 2018, việc học các kiến thức về tiếng Việt trong phần Luyện từ và câu nhằm mục đích để hoàn thiện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh. Các em có cơ hội được dùng những hiểu biết về tiếng Việt để áp dụng vào cuộc sống, học tập. Do vậy, những kiến thức về tiếng Việt được trang bị ở mức sơ giản dễ hiểu, hướng tới mục tiêu sử dụng. Điều này đã thể hiện rất rõ khuynh hướng tiếp cận ngôn ngữ học chức năng của nội dung chương trình tiếng Việt 2018.

Điểm mới và đồng thời cũng mang tính kế thừa của bộ sách là các hoạt động dạy học các kỹ năng nói trên được thiết kế theo hướng tích hợp trong từng chủ đề. Có thể lấy ví dụ như sau:

Với chủ đề "*Trải nghiệm và khám phá*" - Tiếng Việt 4, tập 1, sẽ có các văn bản đọc hiểu như sau: *Bầu trời trong quả trứng; Tiếng nói của cỏ cây; Tập làm văn; Nhà phát minh 6 tuổi; Con vẹt xanh; Chân trời cuối phố; Gặt chữ trên non; Trước ngày xa quê.* Đây là những văn bản nói về những trải nghiệm, mong muốn được khám phá thế giới xung quanh của các bạn nhỏ. Để phục vụ cho chủ điểm này, phần Luyện từ và câu sẽ học các nội dung sau: Động từ, Cách dùng và công dụng của từ điển. Đây là những kiến thức ngôn ngữ mà học sinh đã ít nhiều được biết thông qua các bài đọc hiểu. Trong các bài đọc hiểu này có sử dụng rất nhiều các động từ chỉ hoạt động, trạng thái của người và vật. Đồng thời ở phần dạy về động từ của mục Luyện từ và câu (Tuần 5, bài 9- Tiếng Việt 4, tập 1) lại sử dụng lại ngữ liệu mà các em đã được học ở phần Đọc. Về kỹ năng viết, các em được học các bài tìm hiểu, lập dàn ý, viết bài văn thuật lại một sự việc, bài văn kể lại một câu chuyện. Đây là kiểu bài khơi gợi được những trải nghiệm, khám phá của học sinh. Và trong quá trình viết, các em sẽ phải huy động tương đối nhiều các loại động từ.

Hoạt động Nói và nghe yêu cầu học sinh nói về trải nghiệm đáng nhớ, việc làm có ích. Những nội dung này cũng thống nhất với chủ đề "*Trải nghiệm sáng tạo"*, đòi hỏi học sinh trong quá trình thực hành nói cũng phải sử dụng các động từ.

Việc phân chia các hoạt động dạy học theo các kỹ năng cũng cho phép giáo viên có thể linh hoạt điều chỉnh thời gian của tiết dạy. Không nhất thiết 1 tiết tương ứng với một kỹ năng. Tùy thuộc vào đối tượng, nội dung dạy học, giáo viên có thể tăng giảm thời lượng cho phù hợp.

b. Hệ thống bài đọc có tính thẩm mĩ, phù hợp với trình độ nhận thức, tâm lí lứa tuổi học sinh, có giá trị lâu dài. Câu hỏi đa dạng, nhiều câu hỏi gợi mở nhằm phát huy tối đa khả năng suy luận logic, trí tưởng tượng của học

sinh. Giúp các em tự tin trong giao tiếp, trong quá trình tự khám phá, bộc lộ cái tôi của mình.

c. Chú trọng phát triển kĩ năng viết đoạn văn, bài văn (văn bản văn học và văn bản thông tin). Với mỗi một kiểu bài đều có hướng dẫn quy trình viết phù hợp, hiệu quả. Hoạt động viết đảm bảo sự nối kết giữa nội dung viết với chủ điểm chung của bài học. Điều đó góp phần làm phong phú thêm vốn ngôn ngữ và vốn sống, trải nghiệm của học sinh.

d. Ngữ liệu đảm bảo tính cân đối, hài hòa giữa văn bản văn học và văn bản thông tin. Hệ thống chủ điểm đa dạng phong phú bao quát được nhiều lĩnh vực của đời sống, đáp ứng được nhu cầu muốn tìm hiểu khám phá thế giới, tăng thêm sự trải nghiệm của các em học sinh. Qua đó hình thành được các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết đồng thời bồi dưỡng cho các em tình yêu gia đình,quê hương, đất nước...

e. Chú ý dành thời gian cho hoạt động đọc mở rộng. Học sinh được tự chọn các ngữ liệu để đọc ở nhà hoặc ở lớp, được trình bày sự hiểu biết của mình về những điều đã đọc được. Qua hoạt động đọc, các em được bồi dưỡng thêm niềm yêu thích với việc đọc sách. Từ đó, góp phần hình thành văn hóa đọc cho các em ngay từ khi còn nhỏ.

f. Tiếng Việt 4 được thiết kế kênh hình đẹp, màu sắc hài hòa, có nhiều bảng biểu, sơ đồ thu hút được sự chú ý, tìm tòi khám phá của học sinh.

Có thể nói, mỗi một hình ảnh minh họa cho các chủ đề hay các trang bìa, chúng ta đều có thể nhận thấy sự dụng công đầu tư của các họa sĩ. Các bức tranh như gửi tới các em nhỏ những thông điệp tràn đầy yêu thương, hi vọng... Ví dụ về chủ đề *"Sống để yêu thương"*- Tiếng Việt 4, tập 2, có vẽ những hình ảnh như sau: một bạn thiếu nhi đang dắt bà lưng còng, chống gậy đi trên đường; một cô bé đang âu yếm ôm chú mèo con ngồi bên khóm hoa nở rộ có đàn bướm bay lượn; hình ảnh bạn nhỏ được bố cầm ô che đưa đến trường; một bạn nhỏ giúp đỡ bạn bị ngã. Tất cả những hình ảnh đó đều nói về lòng yêu thương con người. Đó cũng là một trong những phẩm chất mà nội dung chương trình Ngữ văn 2018 muốn các em hướng tới và đạt được.

2.1.3. Cấu trúc sách, các bài học và phương pháp dạy học

a. Cấu trúc sách

Hình 2.2. Cấu trúc sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" [30]

Tiếng Việt 4 được chia thành hai tập, tập một dành cho học kì 1 (18 tuần, mỗi tuần 7 tiết), kì 2 (17 tuần, mỗi tuần 7 tiết). Phần đầu của sách có mục lục, cuối sách có bảng tra cứu thuật ngữ, tên riêng nước ngoài. Về cơ bản, cấu trúc cả tập sách, từng bài học của hai tập là như nhau.

Các bài học ở tập 1 được tổ chức theo 4 chủ điểm, mỗi chủ điểm được học trong 4 tuần: *Mỗi người một vẻ, Trải nghiệm khám phá, Niềm vui sáng tạo, Chắp cánh ước mơ.*

Mỗi tuần có hai bài, bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai 4 tiết. Bên cạnh đó có ôn tập giữa kì (7 tiết) và 1 tuần ôn tập đánh giá cuối kì (7 tiết). Các chủ điểm tập trung vào đời sống tình cảm, suy nghĩ trải nghiệm của học sinh.

Các bài học ở tập 2 cũng được tổ chức theo 4 chủ điểm: *Sống để yêu thương* (4 tuần), *Uống nước nhớ nguồn* (4 tuần), *Quê hương trong tôi* (4 tuần), *Vì một thế giới bình yên* (3 tuần). Các chủ điểm của tập 2 đã mở rộng dần sang những phạm vi lớn hơn: từ quê hương đến đất nước và thế giới. Ngoài ra có bài ôn tập giữa kì và đánh giá cuối kì. Số lượng các bài trong tuần, thời lượng phân bổ mỗi bài giống như sách tập 1.

Cuối sách có đề kiểm tra để giáo viên có thể tham khảo thiết kế để đánh giá phù hợp với trình độ năng lực của học sinh.

b. Cấu trúc mỗi bài học

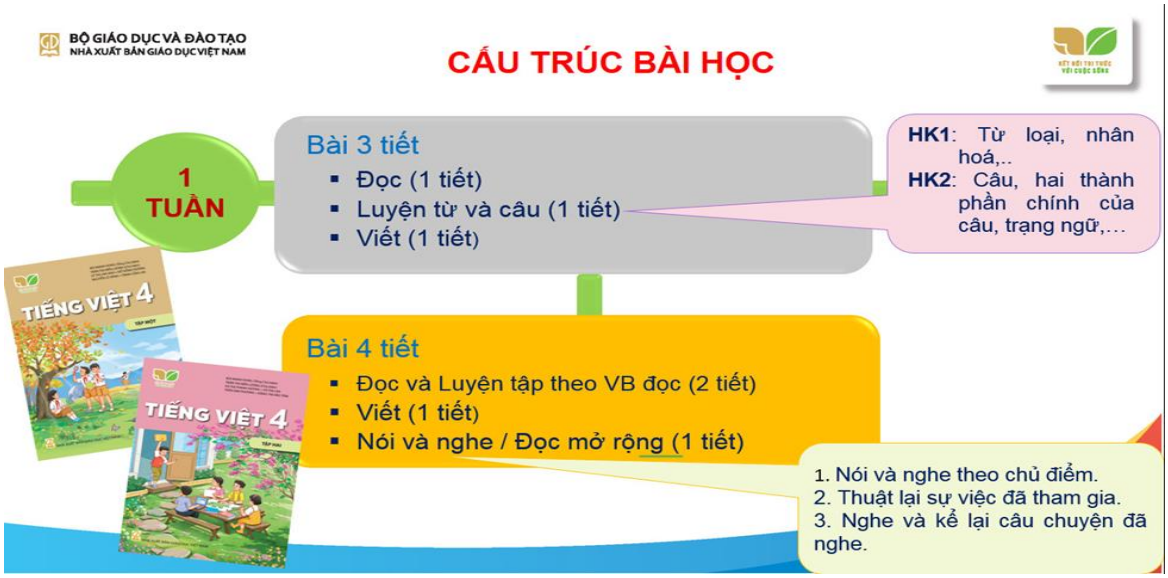

Hình 2.3. Cấu trúc bài học trong sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" [30]

Mỗi tuần có 2 bài học. Bài thứ nhất được học trong 3 tiết.

- Tiết 1: Đọc
- Tiết 2: Luyện từ và câu
- Tiết 3: Viết

Bài thứ 2 được học trong 4 tiết

- Tiết 1,2: Đọc và luyện tập theo văn bản đọc
- Tiết 3: Viết
- Tiết 4: Nói và nghe hoặc Đọc mở rộng

* Hoạt động đọc: bao gồm khởi động, đọc thành tiếng, đọc hiểu. Câu hỏi đọc hiểu được thiết kế đa dạng theo các mức độ yêu cầu khác nhau trong quy định chương trình, được chia thành 3 nhóm: tìm chi tiết (nhận biết); suy luận, giải thích, so sánh; đánh giá, liên hệ, vận dụng. Có một số bài thơ, đoạn thơ yêu cầu học sinh học thuộc lòng.

* Hoạt động viết: tập trung viết đoạn văn, bài văn. Trước khi viết học sinh được tìm hiểu cách viết: cấu trúc bài văn, tìm ý, lập dàn ý. Tiếng Việt 4 không có hoạt động riêng về viết chính tả vì kỹ năng này các em đã được luyện tập từ lớp dưới. Kỹ năng viết chính tả được rèn luyện lồng ghép trong

hoạt động viết đoạn văn. Điều này thể hiện nhất quán phương pháp dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp, hướng tới thực hành.

* Hoạt động nói và nghe được thực hành theo 3 hình thức: (1) Nói và nghe theo chủ điểm.(2) Kể lại một sự việc. (3) Nghe và kể lại một câu chuyện đã nghe (hoặc đã học ở tiết luyện đọc).

Đọc mở rộng được sắp xếp luân phiên với hoạt động nói và nghe. Ở Tiếng Việt 4 chú ý đến đọc hiểu theo thể loại trong đó chủ yếu là văn bản thơ, truyện sau đó là văn bản thông tin.

*Các bài Luyện từ và câu cung cấp những kiến thức liên quan đến từ loại (D,Đ,T), cấu trúc câu, thành phần câu (CN, VN, TN), các kiến thức về quy tắc viết hoa, công dụng và cách sử dụng từ điển, dấu câu (dấu gạch ngang, dấu gạch nối,..), câu chủ đề của đoạn văn... Các nội dung trên được triển khai có tính hệ thống, khoa học, nối kết hài hòa với các bài học trong tuần, được giảng dạy ở mức độ phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh, được đưa vào bài học theo nguyên tắc ứng dụng thực hành, tích hợp dạy trong các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết. Điều này phù hợp với mục tiêu dạy học theo chương trình 2018 là dạy học theo định hướng phát triển năng lực giúp học sinh sử dụng tốt tiếng Việt trong cuộc sống và học tập.

c. Phương pháp dạy học

Với sự đổi mới về nội dung, mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông 2018, giáo viên cũng phải thay đổi về phương pháp dạy học và học sinh cũng có sự thay đổi về phương pháp học tập. Về phương pháp dạy học, sách Tiếng Việt 4- Bộ sách *"Kết nối tri thức với cuộc sống"* đòi hỏi các giáo viên phải thiết kế đa dạng các hình thức phương pháp tổ chức dạy học. Giáo viên cần giảm thời gian nói trên lớp để học sinh có cơ hội được tăng cường các hoạt động học (cá nhân, nhóm, lớp). Giáo viên cần nắm vững kiến thức, kĩ thuật tổ chức thực hiện các bước, tiến trình bài giảng, tâm lý lứa tuổi học sinh để hỗ trợ các em khi cần thiết. Giáo viên cần thực hiện tốt các bước: khởi động bài học, giao nhiệm vụ cho học sinh, hướng dẫn học sinh hợp tác, tự ghi bài, tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả học tập. Từ đó biết đánh giá nhận

xét học sinh một cách hiệu quả, chính xác, tạo được động lực thúc đẩy học sinh học tập. Bên cạnh đó học sinh cần phát huy vai trò chủ động tích cực trong tất cả các hoạt động: tự giác chuẩn bị bài, làm việc cá nhân,nhóm, mạnh dạn trảo đổi thảo luận và tự tin trình bày về ý kiến, kết quả học tập của mình.

Hình 2.4. Minh họa phương pháp dạy học tiếng Việt thông qua thực hành [30]

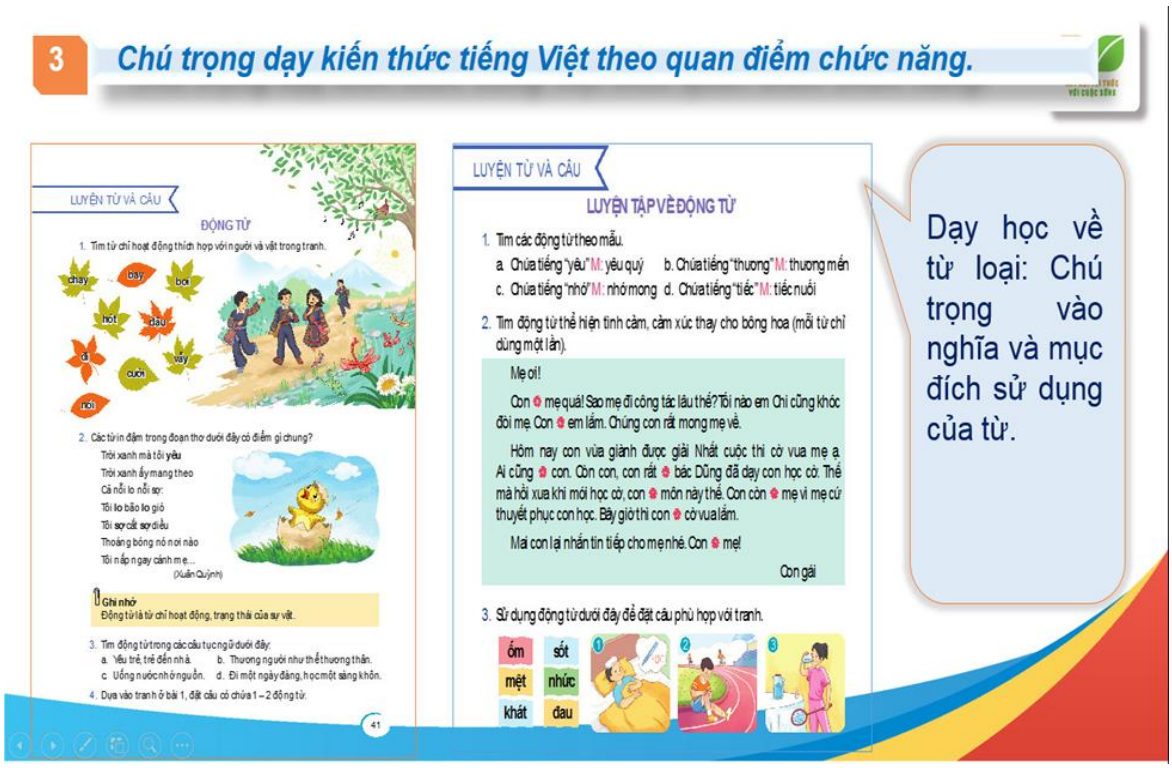

Hình 2.5. Minh họa phương pháp dạy học từ loại tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp chức năng [30]

2.2. Khảo sát số lượng các động từ trong các văn bản đọc - hiểu

Tiếng Việt 4- Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" đã sử dụng 62 văn bản làm ngữ liệu để thiết kế các hoạt động dạy học. Trong đó có 16 văn bản thơ, 40 văn bản truyện và các văn bản thuộc các thể loại văn học khác, 1 văn bản kịch, 5 văn bản thông tin chưa kể các văn bản trong các phần ôn tập giữa kì và cuối kì [30]. Việc xếp 62 văn bản trên thuộc thể loại nào chúng tôi cũng căn cứ theo quan điểm của các tác giả biên soạn sách giáo viên Tiếng Việt 4[3],[4]. Trên cơ sở đó, chúng tôi đã tiến hành khảo sát các loại động từ trong từng kiểu loại văn bản, tập hợp thành 4 bảng khảo sát (có trong phần phụ lục), bao gồm:

(1). Bảng khảo sát động từ trong văn bản thơ

(2). Bảng khảo sát động từ trong văn bản văn xuôi (Văn bản truyện, văn bản miêu tả..)

(3). Bảng khảo sát động từ trong văn bản thông tin

(4). Bảng khảo sát động từ trong văn bản kịch

Chúng tôi không khảo sát các động từ trong các văn bản đọc hiểu của phần ôn tập giữa kì và cuối kì. Như vậy có tổng số 62 văn bản đọc hiểu được khảo sát.

Như đã trình bày ở chương 1, việc xem xét một từ thuộc về từ loại động từ hay không cần phải căn cứ đồng thời vào 3 đặc điểm: ý nghĩa ngữ pháp khái quát, chức năng ngữ pháp, khả năng kết hợp. Trong quá trình khảo sát các động từ, chúng tôi luôn luôn bám sát vào các đặc điểm này. Kết quả là việc thống kê các động từ sẽ theo từng văn bản. Do đó sẽ xảy ra trường hợp, một động từ sẽ xuất hiện rất nhiều lần trong các văn bản khác nhau. Việc đưa ra kết luận có bao nhiêu động từ chỉ được tính trong một văn bản. Còn trong bảng thống kê nói chung không xác định được điều này. Số thứ tự trong bảng thống kê chỉ nói lên số lần xuất hiện các động từ trong các văn bản đọc - hiểu của sách Tiếng Việt 4. Do vậy, chúng tôi cũng không tiến hành xếp các động từ theo thứ tự xuất hiện của chữ cái đầu như trong từ điển. Ở đây chúng tôi thống kê theo trình tự xuất hiện của các động từ đầu đến cuối văn bản. Điều

này, tạo thuận lợi cho việc tra cứu các động từ trong từng văn bản. Việc thống kê như vậy cũng phù hợp với quan điểm của người biên soạn sách nói riêng và chương trình nói chung. Đó là việc học từ loại "*chú trọng vào nghĩa và mục đích sử dụng*". Mỗi một động từ xuất hiện trong một ngữ cảnh sẽ có một vai trò và một nét nghĩa được hiện thực hóa. Cho nên có những động từ khi thêm một thành tố ở phía sau đã mang những nét nghĩa khác. Đặc biệt là các động từ chỉ hoạt động tự di chuyển, dời chuyển khi kết hợp với các phần phụ sau là các động từ chỉ hướng của hành động (*ra, vào, lên, xuống, qua, lại…*) sẽ có những nét nghĩa cụ thể khác nhau. Với mỗi một lần kết hợp như vậy, chúng tôi cũng thống kê là một động từ.

Vd: Trong bảng phụ lục chúng tôi sẽ thống kê như sau:

Chạy (lại)

Chạy (đi)

Đi (qua)

Đi (lại)

Bay (đi)

Bay (về)

Ngẩng (lên)

Cúi (xuống)

Cách thống kê trong bảng phụ lục như trên cũng phù hợp với trình độ của học sinh Tiểu học.*"Vì học sinh lớp 4 mới học về động từ, để hướng tới một giải pháp đơn giản trong việc (nhận diện) động từ cho học sinh, trong đoạn văn có một số cụm từ có thể xác định như động từ, ví dụ: bơi đi, chạy lại"* [3,137]

Đồng thời, cách thống kê này cũng giúp chúng tôi có thuận lợi hơn trong việc xác định vai trò của các động từ là chỉ hoạt động trạng thái của người hay của con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng tự nhiên, cảnh vật.

Kết quả khảo sát như sau:

Văn bản thơ có 248 số lần xuất hiện các động từ

Văn bản văn xuôi 1530 số lần xuất hiện các động từ.

Văn bản thông tin 116 số lần xuất hiện các động từ.

Văn bản kịch 32 số lần xuất hiện các động từ.

2.3. Vai trò của động từ trong các văn bản đọc - hiểu

2.3.1. Động từ chỉ hoạt động, trạng thái của người

Trong mỗi một kiểu loại văn bản, động từ xuất hiện khá nhiều. Các động từ đã thể hiện được rõ hoạt động, trạng thái của con người, với vai trò chức năng khác nhau: VN, BN, TN, ĐN

*Văn bản thơ

+ Động từ làm VN

Ví dụ: Tớ bỗng phát hiện ra [1, 8]

CN VN (Đ)

Có bạn hay giận dỗi [1, 8]

VN (Đ)

Em mơ mình là cánh én [1, 122]

VN (Đ)

+ Động từ làm BN

Ví dụ: Có bạn thích thay đổi [1, 8]

BN (Đ)

Con người muốn sống, con ơi

Phải yêu đồng chí, yêu người anh em [2, 28]

Đ BN (Đ)

*Văn bản tự sự và miêu tả

+Động từ làm VN

Ví dụ: Long cố gắng làm mọi thứ khác anh, từ cách nói, dáng đi đến trang

VN

phục, kiểu tóc. [1,16]

Chiều qua, ông đã mua một chậu lan mới thay cho chậu cũ. [2,17]

VN

Vào vườn, tôi nhớ đến ông và tự hình dung ra ông đã trồng cây, cặm

VN

cụi vun xới ra sao. [2, 56]

+Động từ làm BN

Ví dụ: Bạn nhớ vẽ mắt tôi to hơn nhé! [1, 30]

Đ BN (Đ)

Có lúc bọn tớ còn giả vờ nhầm để trêu các cậu đấy. [1, 17]

Đ BN (Đ)

+Động từ làm TN

Ví dụ: Có lúc bọn tớ còn giả vờ nhầm để **trêu** các cậu đấy. [1,17]

TN (Đ)

Nhưng khi **xếp** các bức tranh cạnh nhau, thấy thật khó để nhận ra đâu

TN (Đ)

là chân dung của mình, các cô bé mới hiểu rằng Màu Nước nói đúng. [1,31]

+ Động từ làm ĐN

Ví dụ: Qua nhiều lần thí nghiệm, ông đã tìm ra cách chế tạo khí cầu bay

D ĐN (Đ)

bằng kim loại. [1,106]

Cả hội bám vào những quả bóng ước mơ của mình, lửng lơ bay lên vào

D ĐN (Đ)

thăm thẳm trời xanh. [1, 110]

*Văn bản thông tin

+ Động từ làm VN

Ví dụ: Sắp đến sinh nhật Hoa, Hà quyết định làm tặng bạn một con thỏ

VN (Đ)

bằng giấy. [1, 93]

Mọi người ngồi dưới gốc anh đào ngắm hoa, cùng liên hoan, cùng hát

VN (Đ) VN (Đ) VN (Đ) VN (Đ)

hò, nhảy múa,… [2, 127]

VN (Đ)

+ Động từ làm BN

Ví dụ: Trên nóc nhà, mỗi gia đình thường treo những dải cờ hình cá chép sặc sỡ, nhiều màu để thể hiện ước mong về sức khỏe và sự thành công cho

Đ BN (Đ)

các bé. [2, 128]

+ Bên cạnh việc làm thuốc, chữa bệnh, Hải Thượng Lãn Ông cũng dành nhiều công sức nghiên cứu, viết sách, để lại cho đời nhiều tác phẩm lớn,

D ĐN (Đ)

có giá trị về y học, văn hóa và lịch sử. [2, 9]

*Kịch

+ Động từ làm VN

Ví dụ: Nó biết dò tìm những kho báu còn giấu kín trên mặt trăng. [1,126]

VN (Đ)

+ Động từ làm BN

Ví dụ: Cậu có muốn xem vật mình sáng chế không? [1,126]

Đ BN (Đ)

Với vai trò quan trọng trong việc nêu lên hoạt động, trạng thái của con người, động từ trong các văn bản đọc hiểu đã góp phần giúp các bạn nhỏ hiểu rõ hơn về phẩm chất, tính cách, thái độ, mong muốn, ước mơ, khát vọng… của các nhân vật. Qua đó, các em sẽ tự rút ra những thông điệp, bài học tương ứng với các chủ đề. Điều đó góp phần hình thành phẩm chất năng lực cần thiết cho học sinh Tiểu học.

Mở đầu chương trình Tiếng Việt 4 là chủ đề "*Mỗi người một vẻ*" với 8 văn bản. Trong đó, văn bản *Điều kì diệu, Anh em sinh đôi, Công chúa và người dẫn chuyện, Nghệ sĩ trống, Những bức chân dung* là có nhiều động từ chỉ hoạt động trạng thái của người.

Bài thơ *Điều kì diệu*, theo khảo sát có 10 động từ. Cả 10 động từ đều chỉ hoạt động trạng thái của người, trong đó có những động từ chỉ trạng thái: "*thích, giận dỗi, thay đổi, nghĩ"*. Những động từ này đã góp phần thể hiện được sự khác biệt trong tính cách của mỗi bạn. Mỗi một bạn là một cá thể riêng biệt, không ai giống ai từ suy nghĩ đến sở thích, tâm lý, vẻ ngoài. Nhưng tất cả các bạn đều là những "*bông hoa xinh tươi*" trong vườn hoa đầy hương sắc.Vì vậy, chúng ta cần phải tôn trọng sự khác biệt. Có như vậy chúng ta mới khám phá được vẻ đẹp của riêng mình và những người xung quanh.

Thậm chí, sự khác biệt vẫn xảy ra giữa những người cỏ vẻ ngoài giống nhau gần như hoàn toàn. Đó là trường hợp nhân vật Khánh và Long trong *Anh em sinh đôi*. Mặc dù là hai anh em sinh đôi nhưng Khánh và Long cũng có những phẩm chất và tính cách không giống nhau. Bởi vì mỗi người là một thực thể duy nhất. Khánh hay "*cười"*, chẳng "*bận tâm"* đến việc hai anh em giống nhau.Vì Khánh hiểu thực chất hai anh em khác nhau về tính cách. Long nghiêm túc lúc nào cũng "*cố gắng làm mọi thứ khác anh"*. Có lúc còn bực bội "*kêu lên"* vì thấy bạn bè nhầm lẫn mình với anh. Nhưng cuối cùng Long cũng nhận ra mình và anh chỉ giống nhau vẻ bề ngoài còn mỗi người là một tính cách. Bạn bè cũng biết rõ điều đó nên chẳng thể nào nhầm lẫn hai anh em được. Vì vậy, Long cũng không cần phải cố gắng chứng minh sự khác biệt nữa. Diễn biến tâm lý của các nhân vật được xây dựng rất phù hợp với nhận thức của các em học sinh Tiểu học. Ở độ tuổi này, nhu cầu tìm hiểu và khẳng định bản thân đang bắt đầu được hình thành. Các em luôn mong muốn khẳng định cái tôi trong mắt bạn bè, thầy cô và gia đình. Đó là nhu cầu tự nhiên trong quá trình khôn lớn trưởng thành của mỗi người.

Câu chuyện *Những bức chân dung* một lần nữa lại mang đến cho các em thông điệp: cái riêng của mỗi người chính là vẻ đẹp, không nên thay đổi vẻ đẹp riêng có của mình theo bất cứ một khuôn mẫu nào. Vì như vậy sẽ tạo nên vẻ đẹp rập khuôn, mình không còn là chính mình nữa. Các động từ trong câu chuyện: "*đến, gặp, đề nghị, muốn, thuyết phục, nài nỉ"* thể hiện rất rõ tâm trạng mong muốn của các cô bé. Ai cũng muốn họa sĩ Màu Nước vẽ chân dung mình thật đẹp, thật xinh. Vì đây là mong muốn chính đáng. Nhưng kết quả là trừ bức chân dung của Bông Tuyết và Mắt Xanh, tất cả các bức chân dung còn lại đều "*na ná*". Cuối cùng các cô bé cũng nhận ra rằng " *bức chân dung đẹp phải là bức chân dung thể hiện được vẻ riêng đó*".Vì trong cuộc sống này, không ai giống ai. Trong lớp học phải có bạn gầy, bạn béo, bạn cao, bạn thấp. Có bạn mắt to, bạn mắt nhỏ, bạn lông mi ngắn, lông mi dài. Có bạn nghịch ngợm, có bạn hiền dịu, có bạn nhanh nhẹn,có bạn chậm chạp…Nhưng tất cả các bạn đều đáng quý, đáng yêu, đều có giá trị riêng của mình. Cũng

như các loài hoa, hoa nào cũng đẹp kể cả bồ công anh. Vì " *Không phải ai cũng thành công chúa, nhưng điều đó không có gì đáng xấu hổ*". Sự khác biệt chính là "*Điều kì diệu*" của cuộc sống này.

Chủ đề thứ hai trong chương trình có tên là: *Trải nghiệm và khám phá* với 8 văn bản đọc hiểu. Trong đó có các văn bản sau xuất hiện nhiều động từ chỉ hoạt động trạng thái của người: *Tập làm văn, Nhà phát minh sáu tuổi, Con vẹt xanh, Trước ngày xa quê.*

Văn bản *Tập làm văn* kể về cách làm bài văn tả cây hoa nhà em của nhân vật "tôi". Câu chuyện hấp dẫn và thú vị ở chỗ nêu lên từng bước, từng bước mà nhân vật "tôi" đã làm thế nào để viết được các phần mở bài, thân bài, kết bài của bài tả cây một cách sinh động, hấp dẫn và đặc sắc. Lối dẫn dắt để hình thành cho học sinh cách quan sát, tìm ý, miêu tả nhẹ nhàng nhưng dễ hiểu. Có lẽ nhờ vậy, giáo viên cũng không cần phải trang bị cho học sinh một bài lý thuyết về quy trình, các bước làm bài văn tả cây. Vì khi đọc câu chuyện này, các em cũng có thể hình dung một cách rất cụ thể các bước và cách làm. Muốn có bài văn tả hay, nhân vật "tôi" đã có những trải nghiệm, khám phá, phát huy trí tưởng tượng, liên tưởng, so sánh. Em về quê để trực tiếp nhìn thấy cây hoa hồng nhà ngoại. Em đã chịu khó dậy sớm ra vườn vào buổi sáng tinh sương để nhìn thấy những giọt sương " *như những hòn bi ve tí xíu tụt từ lá xanh xuống bông hoa đỏ, đi tìm mùi thơm ngạt ngào núp đâu giữa những cánh hoa*" [1,48]. Khi "*định chạy lại bậc thềm để đọc câu hỏi gợi ý*" để tả tiếp thì em "*đánh rơi cuốn vở dưới gốc cây hồng*". Cúi xuống nhặt vở bị gai cào, quên đi cái đau em mới tiếp tục nảy ra ý. Rồi để viết tiếp kết luận về vấn đề chăm sóc cây hoa, em đã "*vào bếp lấy cái bình, múc nước rồi hăm hở bước theo ý văn của mình và té cái "oạch" trước khi viết đoạn kết"*. Tưới cây bằng bình, em mới có sự tưởng tượng "*cái bình tưới như chú voi con dễ thương đung đưa vòi, rắc lên cây hoa hồng một cơn mưa rào nhỏ*"[1,49]. Chỉ có trải nghiệm, khám phá thực tế các em mới có thể làm giàu trí tưởng tượng, mới có những " *niềm vui sáng tạo*".

Đây cũng là chủ đề thứ ba trong chương trình. Chủ đề này có 8 văn bản. Trong đó có các văn bản sau xuất hiện nhiều động từ chỉ hoạt động trạng thái của người: *Đồng cỏ nở hoa, Thanh âm của núi, Bức tường có nhiều phép lạ, Bét-tô-ven và bản Xô-nát ánh trăng, Người tìm đường lên các vì sao.*

Đồng cỏ nở hoa kể về một cô bé có đam mê và tài năng hội họa, đó là Bống. Tài năng hội họa của Bống được miêu tả như sau: "*Nó vẽ như người ta thở, như người ta nhìn, như người ta nghe*".Vẽ là tài năng bẩm sinh của Bống. Bống vẽ đẹp và giỏi đến mức, ông họa sĩ phải khen: "*Chà chà! Vẽ như đồng cỏ đến kì nở hoa! Vẽ được lắm, được lắm!*". Ông họa sĩ khen Bống và dự đoán Bống sẽ là một tài năng trong tương lai cũng là có lí do. Vì Bống vẽ gì cũng giống: "*Con mèo Kết ra con mèo Kết .Con chó Lu ra con chó Lu. Cây cau ra cây cau. Bố Lít nó ra bố Lít. Mẹ Phít nó cũng chẳng lẫn được với ai, cái mặt tròn như đồng xu với hai con mắt lá răm.*"[1,81]

Thế giới sự vật hiện tượng là giống nhau nhưng qua lăng kính nhìn nhận phản ánh của người nghệ sĩ, thế giới đó lại thêm một lần nữa được sáng tạo. Nhà văn sẽ sáng tạo những hình tượng nghệ thuật bằng ngôn từ, nhạc sĩ dùng âm thanh, nốt nhạc để nói lên lòng mình, còn họa sĩ dùng đường nét, màu sắc, bố cục để thể hiện ý tưởng. Cái Bống mặc dù chưa trở thành họa sĩ nhưng con gà mái mẹ nó vẽ đã có thêm*"một hàng chấm chấm"*. Bống giải thích đó là "*cái tí"* của gà mẹ. Con chuột nhắt "*đứng cạnh cái vòng có hai chóp nhọn*" là lưng con mèo. Chỉ có cái Bống mới có trí tưởng tượng và vẽ như vậy. Vì đó là nhận thức của một cô bé mới đang học Tiểu học. Em nhận thức và tưởng tượng về sự vật hiện tượng theo cách của riêng của mình. Chưa được học qua trường lớp nhưng bằng đam mê và tài năng của mình, Bống đã mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho nhiều người.

Cũng giống như tài năng hội họa của Bống, tài năng âm nhạc của nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại Bét-tô-ven đã mang lại ánh sáng trong tâm hồn cô gái mù. Vì bị mù nên cô chỉ có một ước mơ duy nhất là được ngắm nhìn ánh trăng trên dòng sông Đa-nuýp. Ước mơ ấy có lẽ chẳng bao giờ thực hiện được và người cha cô gái đã thật "*đau khổ*" vì mãi mãi không bao giờ "*giúp con*

thực hiện được ước mơ của mình". Thế nhưng, những nốt nhạc của Bét-tô-ven đã biến ước mơ của cô gái mù thành hiện thực: *"Những nốt nhạc ngẫu hứng vang lên, tràn đầy cảm xúc yêu thương của nhà soạn nhạc thiên tài, lúc êm ái, nhẹ nhàng như ánh trăng, lúc lại mạnh mẽ như sóng sông Đa-nuýp. Trong tâm trí hai cha con, dường như không còn cuộc sống khổ đau vì tật bệnh, chỉ còn một thế giới huyền ảo, lung linh, tràn ngập ánh trăng. Cô gái mù có cảm giác mình đang được ngắm nhìn, đùa giỡn với ánh trăng trên dòng sông Đa-nuýp"*[1,102]. Những động từ "*tràn ngập, ngắm nhìn, đùa giỡn…*" đã miêu tả chân thực vẻ đẹp của tiếng đàn dương cầm và niềm vui, niềm hạnh phúc của cha con cô gái mù.Tài năng âm nhạc và lòng yêu thương của Bét-tô-ven đã tạo nên bản xô-nát nổi tiếng. Nhà soạn nhạc không chỉ mang đến cho cô gái mù ánh trăng của dòng sông Đa-nuýp mà quan trọng hơn ông còn gửi đến cô gái những nốt nhạc sẻ chia, đồng cảm, xoa dịu những nỗi đau sự thiệt thòi, bất hạnh trong cuộc sống. Đấy chính là ánh trăng đẹp nhất, ánh trăng của lòng người.

Để có niềm vui sáng tạo và mang lại niềm vui hạnh phúc cho mọi người, các em có thể có những ước mơ, khát vọng. Nếu kiên trì bền bỉ thực hiện thì ước mơ của các em một ngày nào đó sẽ trở thành hiện thực. Cũng giống như Xi-ôn-cốp-xki, nhà khoa học vũ trụ người Nga, đã trải qua bao lần thất bại trong thí nghiệm, bằng sự quyết tâm, cố gắng, ông đã thành công trong việc sáng chế tên lửa bay tới các vì sao. Đúng như ông hằng tâm niệm "*Các vì sao không phải để tôn thờ mà là để chinh phục*"

Ước mơ và khát vọng là điều cần có trong mỗi người nhất là các em học sinh Tiểu học. Các em đang khôn lớn trưởng thành, đang cần khẳng định mình và có những cống hiến cho xã hội, đất nước. Các em sẽ là chủ nhân tương lai của đất nước. Vì vậy, có ước mơ, dám mơ ước và quyết tâm thực hiện mơ ước, các em sẽ thành công. Cũng giống như cậu bé trong câu chuyện *Con trai người làm vườn* cuối cùng cũng đã chứng minh cho cha mình thấy ước mơ của mình không phải là "hão huyền". "*Nhiều năm sau, khi đã là một*

thuyền trưởng, anh trở về thăm cha. Nhìn anh tràn trề sinh lực, sắc mặt tươi tắn, bờ vai to khỏe, người cha cảm động rơi nước mắt" [1,115]

Trong số các chủ đề của chương trình, chúng tôi ấn tượng nhất với chủ đề "*Sống để yêu thương*". Có lẽ cội nguồn của hạnh phúc, của thành công trong cuộc đời mỗi người đó là sự "*yêu thương*". Mỗi người khi sinh ra lớn khôn trưởng thành cần phải làm nhiều việc, cần phải đạt được nhiều mục đích trong cuộc sống: trình độ học vấn, công danh, sự nghiệp... Nhưng có lẽ cuộc sống sẽ chẳng có giá trị nếu không biết "*yêu thương*". 8 văn bản của chủ đề "*Sống để yêu thương*" đã mang lại cho các em những thông điệp nhiều cảm xúc. Trong đó có những văn bản xuất hiện nhiều động từ chỉ hoạt động trạng thái của người: *Hải Thượng Lãn Ông, Quả ngọt cuối mùa, Vệt phấn trên bàn, Ông Bụt đã đến, Tờ báo tường của tôi, Con muốn làm một cái cây, Trên khóm tre đầu ngõ.*

Tuổi thơ được cắp sách đến trường, được có thêm nhiều bạn mới đó là niềm vui của các bạn học sinh. Nếu ai đó đến lớp, đến trường mà không có bạn bè để chia sẻ những vui buồn thì cuộc sống thật tẻ nhạt. Tuy nhiên, không phải lúc nào các em cũng có thể có những tình bạn đẹp và hiểu được giá trị của tình bạn. Đôi khi sự vô tâm của các em làm cho bạn mình thêm buồn, thêm nhiều suy nghĩ. Cậu bé Minh trong câu chuyện *Vệt phấn trên bàn* là như vậy. Thi Ca - bạn ngồi cạnh Minh vì tay phải bị bệnh nên đã phải viết bằng tay trái. Cho nên, tay trái của Thi Ca thường xuyên chạm vào cùi trỏ của Minh mỗi khi viết bài. Việc này làm Minh rất khó chịu vì chữ viết trở nên xấu xí và không thẳng hàng. Để tránh được việc đó, Minh đã dùng phấn kẻ một vạch trên mặt bàn ngăn đôi, không cho Thi Ca để tay thò qua. Hành động này của Minh đã làm tổn thương Thi Ca. "*Thi Ca nhìn đường phấn, gương mặt thoáng buồn. Đường ranh giới cứ thế tồn tại trên mặt bàn hết một tuần"* [2,13]. Sự việc không thay đổi nếu Thi Ca không đi viện để chữa lành cánh tay. Đến lúc này Minh mới nhớ ra lúc viết bài Thi Ca thường hay giấu tay phải xuống dưới mặt bàn. Lúc này em rất ân hận, nhớ lại "*ánh mắt buồn*" của

bạn lúc nhìn mình vạch đường phần trắng. Minh "*Mím môi, Minh đè mạnh chiếc khăn xóa vệt phấn trên mặt bàn"* [2,13].

Câu chuyện rất đơn giản và có lẽ cũng hay xảy ra trong lớp học nhưng đã mang lại cho các em bài học sâu sắc.Vì "*mỗi người mỗi vẻ*" không ai giống ai, có bạn thật hạnh phúc khi có đầy đủ mọi thứ để đến trường nhưng có những bạn sẽ có những nỗi đau, bất hạnh.Vì vậy, cảm thông và chia sẻ với những bạn gặp khó khăn, thiệt thòi là điều cần thiết. Làm được như vậy, các em sẽ có những tình bạn đẹp, thiêng liêng, cao quý. Đó cũng là một cách để yêu thương. Yêu thương từ những điều đơn giản nhất, gần gũi nhất đối với các em.

Tiếp tục với những câu chuyện có cốt truyện đơn giản *Ông Bụt đã đến* lại gửi tới các em thông điệp thật thú vị về sự bao dung độ lượng trong cuộc sống. Các em sẽ gặp ông Bụt giữa đời thường. Ông Bụt này không có nhiều phép thần tiên nhưng lại biến ước mơ của bé Mai thành hiện thực. Vì sơ ý làm gãy nhành hoa lan của ông họa sĩ mà Mai đã rất sợ hãi. Mai đã "*òa khóc*" và khi đến xin lỗi ông họa sĩ mắt em vẫn "*nhòa nước*". Em "*rụt rè*" khi gõ cửa nhà ông. Những động từ "*òa khóc, thì thầm, rụt rè, cứu*" đã thể hiện rõ tâm trạng của bé Mai. Em biết là mình vô ý nhưng vẫn hãi vì em sợ ông họa sĩ sẽ la mắng mình. Em sợ đến mức không dám đến gặp ông họa sĩ và ước sẽ có ông Bụt đến cứu mình. "*Hôm sau, Mai vô cùng ngạc nhiên và sung sướng khi nhìn thấy chậu lan. Vẫn là một nhành hoa tím biếc bung nở tuyệt đẹp*"[2,17]. Bằng tấm lòng nhân hậu của mình ông nhạc sĩ đã mang lại niềm vui cho cô bé. Ông đã mua chậu hoa lan khác thay vào chậu cây hoa đã gãy. "*Vì ông đã tình cờ nhìn thấy những giọt nước mắt và nghe được những lời thì thầm"* [2.17]. Câu chuyện giúp chúng ta thêm yêu và tin tưởng cuộc sống này hơn nữa. Vì quanh ta có rất nhiều điều tốt đẹp. Hãy tin tưởng rằng những giai điệu tươi vui của cuộc sống vẫn đang chờ đợi các em ở phía trước.

Không chỉ có tình yêu thương giữa người với người, các em cũng cần phải có tình yêu thương với các loài động vật, cây cối, thiên nhiên. Bởi vì đó là môi trường sống của chúng ta. Cô bé Bua Kham trong câu chuyện *Trên*

khóm tre đầu ngõ đã làm được điều đó. Em thương đàn cò con không có bố mẹ nếu em bắt chúng về nuôi. Em không muốn "*làm tan tác cái gia đình cò bé bỏng"*. Vì vậy Bua Kham đã nhờ ông bắc thang trả cò con về cho bố mẹ. Vậy là tình yêu thương của ông cháu Bua Kham đã được đền bù xứng đáng: " *Mùa sinh nở năm sau, vợ chồng cò rủ thêm ba bốn chục cặp cò bạn cùng đến. Chúng rủ cả những đôi cò lửa đỏ như ánh chớp và những đôi vạc xám như bóng chiều. Khắp vùng không đâu vui bằng vườn nhà ông cháu Bua Kham."* [2,36]. Tình yêu thương cho đi sẽ được nhận lại. Tuy là loài vật nhưng vợ chồng cò cũng cảm nhận được tình yêu thương của con người. Thiên nhiên môi trường sẽ mang lại cho con người những điều tốt đẹp, sẽ bảo vệ cuộc sống của con người nếu chúng ta biết trân trọng và bảo vệ thiên nhiên.

Chủ điểm tiếp theo của chương trình là "*Uống nước nhớ nguồn*". Chủ điểm này có 8 văn bản. Trong đó có các văn bản sau sử dụng nhiều động từ chỉ hoạt động trạng thái của người: *Sự tích con Rồng cháu Tiên, Chàng trai làng Phù Ủng, Vườn của ông tôi,Trong lời mẹ hát, Người thầy đầu tiên của bố tôi.* Biết ơn đất nước, tổ tiên, ông bà, thầy cô giáo…các em sẽ hiểu rõ giá trị cuộc sống của mình, để thêm yêu, thêm tự hào về đất nước, cội nguồn dân tộc. Để có đất nước trường tồn như ngày hôm nay, cha ông ta đã đổ bao xương máu. Để có những con người có giá trị trong xã hội, thầy cô đã dày công dạy bảo với bao tâm huyết trăn trở, luôn dành cho trò những tình cảm tốt đẹp nhất. Để có những trái ngon, trái ngọt cho con cháu ông bà đã tốn biết bao công sức vun xới trồng cây. Và để nuôi con cái khôn lớn trưởng thành bố mẹ đã không quản vất vả, nắng mưa, sương sớm... hi sinh thầm lặng.

"*Thời gian chạy qua tóc mẹ*
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao" [2,59]

Con cũng hiểu những nỗi nhọc nhằn của mẹ qua lời ru ngọt ngào. Mẹ đã nuôi dạy con bằng những câu chuyện cổ tích những lời ca dao thân thương bình dị. Trong lời ru của mẹ có những giọt mồ hôi đổ xuống trên "*dải đồng*

xanh". Mẹ như thân cò lặn lội sớm khuya để ngày mai con có tương lai tươi đẹp. Biết ơn mẹ bao nhiêu, hiểu được nỗi vất vả, hiểu được lòng mẹ bao nhiêu con sẽ cố gắng chăm chỉ học tập và vững bước trên đường đời bấy nhiêu.

"Mẹ ơi, trong lời mẹ hát
Có cả cuộc đời hiện ra
Lời ru chắp con đôi cánh
Lớn rồi con sẽ bay xa" [2,59]

Lời ru ngọt ngào của mẹ sẽ cho con thêm ước mơ, khát vọng, sẽ là điểm tựa tinh thần vững chắc để giúp con "*bay xa*" muôn nẻo.

"*Vì một thế giới bình yên"* là chủ đề cuối cùng trong chương trình. Đây là chủ đề rộng, hướng các em quan tâm không chỉ đất nước quê hương mình mà còn cần quan tâm đến những vấn đề của nhân loại, toàn cầu. Đó là vấn đề bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm, bảo vệ hòa bình chống chiến tranh… Trong số đó có những văn bản sau xuất hiện nhiều động từ chỉ hoạt động trạng thái của người: *Ngôi nhà của yêu thương, Chuyến du lịch thú vị, Lễ hội ở Nhật Bản*.

Ngôi nhà của yêu thương là bức thư của em Lương Thanh Bình- học sinh lớp 4- viết tham gia cuộc thi viết thư cho UPU(Liên minh bưu chính thế giới) năm 1987. Bức thư thể hiện sự yêu thương sẻ chia của tác giả đối với những bạn nhỏ không nhà trên Trái Đất. Biết bao những băn khoăn trăn trở lo lắng của em qua những câu hỏi: "*Bạn ơi, thế bạn ăn cơm ở đâu? Trời mưa, bạn làm thế nào để khỏi ướt? Những đêm rét như đêm qua, bạn nằm ở đâu mà ngủ?*" [2,117]. Ăn cơm, ngủ, trú mưa..là những nhu cầu tối thiểu mà một trẻ em được hưởng. Vậy nhưng có những bạn lại không thể có được điều đó. Các bạn ấy không có nhà. Các bạn sẽ phải sống lang thang ở bên ngoài, không có nơi để ngủ, không có nơi để ăn, không có nơi để tránh khỏi thời tiết mưa nắng. Nghĩ đến điều đó, tác giả cảm thấy thật xót xa, thương cảm.

Càng xót xa hơn, khi tác giả bức thư biết được qua xem ti vi có rất nhiều nhà, phố xá, xóm làng bị bom đạn phá nát. Rồi những chú chim hót hay, bầy hươu nai "*hiền lành, cần thiên nhiên bao la và bầu trời tự do khoáng*

đãng lại bị nhốt trong lồng, trong chuồng" [2,117]. Trước thực tế đó, tác giả đã có những ước muốn thật mạnh mẽ, táo bạo: "*nếu tôi và bạn mà là người lớn, chúng mình sẽ vứt tất cả đạn, bom, súng…xuống biển. À, không vứt hẳn ra ngoài Trái Đất cơ…Chúng mình sẽ cùng xây dựng những ngôi nhà rất to, triệu triệu gian, để cho tất cả các bạn trên thế giới sống chung…Nếu là người lớn, chúng mình cũng sẽ vứt bỏ hết tất cả các lồng chim, chuồng thú, thêm tiền vào xây nhà cho các bạn. Nếu con người không bắn chim, săn thú thì chúng sẽ sống gần gũi bên ta, hót cho ta nghe và múa cho ta xem."*[2,117] Những động từ "*vứt, xây dựng, xây…*" thể hiện khát khao, mong muốn cháy bỏng của tác giả về một thế giới hòa bình, hạnh phúc. Nơi đó có những ngôi nhà *"rất to"* để cho tất cả các bạn nhỏ trên thế giới sống chung, yên vui, ấm no. Ở đó các em sẽ được nghe tiếng ca vang lừng của những chú chim xinh đẹp, được làm bạn với những chú hươu nai, sóc, thỏ hiền lành…Ước muốn về một thế giới đại đồng, chung sống hòa bình, đoàn kết, yêu thương có lẽ không chỉ là ước mơ của riêng bạn Lương Thanh Bình mà là ước mơ, mong muốn của tất cả các em thiếu nhi khắp nơi trên thế giới.

"Bàn tay ơi, tung lên!
Cả một trời chim trắng
Cả một trời ánh nắng
Cả một trời cao xanh." [2,131]

2.3.2. Động từ chỉ hoạt động, trạng thái của cây cối, loài vật, đồ vật, cảnh vật, hiện tượng tự nhiên

*Văn bản thơ

+ Động từ làm VN

Ví dụ: Tôi chưa <u>kêu "chiếp chiếp"</u> [1, 39]

VN

+Động từ làm BN

Ví dụ: Chẳng <u>biết</u> <u>tìm</u> giun, sâu [1, 39]

Đ BN (Đ)

+ Động từ làm KN

Ví dụ: Đói, tôi tìm giun dế [1, 40]

KN (Đ)

*Văn bản tự sự và miêu tả

+Động từ làm VN

Ví dụ: Mặc áo măng tô trong suốt, đôi mắt nâu lấp lánh, đầy vẻ tự tin, ve sầu biểu diễn bản nhạc "Mùa hè" [1, 12]

VN

+ Động từ làm BN

Ví dụ: Mỗi lần chú định ra cổng là người lớn trong nhà lại nhắc: " Cún,

Đ BN

vào nhà!". [1, 59]

+ Động từ làm ĐN

Ví dụ: Khu vườn vào xuân, những cây hồng leo khoác tấm áo xanh mới.

D ĐN (Đ) [1, 20]

Quan trọng nhất là đò ngang được mọi người quý mến vì làm công việc

D

nối lại đôi bờ. [1, 35]

ĐN (Đ)

*Văn bản thông tin

+Động từ làm VN

Ví dụ: Lũ sư tử nằm nghỉ dưới tán cây, dửng dưng nhìn những chiếc xe du

VN (Đ)

lịch lướt qua. [2, 113]

Cùng cảnh ngộ đó, chim cánh cụt ở Nam Cực cũng không có nguồn thức

VN (Đ)

ăn và mất nơi cú trú. [2, 120]

VN (Đ)

+Động từ làm BN

Ví dụ: Với tình trạng băng tan như hiện nay, gấu Bắc Cực buộc phải bơi

Đ BN

xa hơn để kiếm ăn, mất dần môi trường sống. [2, 120]

Ở khu bảo tồn, các loài động vật được sinh sống trong môi trường tự nhiên và không sợ bị săn bắn. [2, 113]

Đ BN

Như vậy, động từ được khảo sát trong các văn bản đọc hiểu của sách Tiếng Việt 4- Bộ sách *"Kết nối tri thức với cuộc sống"* cũng đảm bảo những đặc điểm ngữ pháp ngữ nghĩa mà chúng tôi đã trình bày trong chương 1- Cơ sở lý thuyết. Tuy nhiên, trong mỗi ngữ cảnh giao tiếp khác nhau, các động từ lại thể hiện được những giá trị ngữ nghĩa và đặc trưng ngữ pháp của mình. Điều này thể hiện rõ trong phần phụ lục khảo sát. Có rất nhiều động từ vốn dĩ chỉ chỉ hoạt động trạng thái của con người nhưng lại được các tác giả sử dụng để chỉ hoạt động trạng thái của cây cối, loài vật, đồ vật, cảnh vật... Điều này góp phần tạo nên nét đặc sắc, thành công trong mỗi một văn bản, làm cho các thông điệp gửi tới các em trở nên sinh động, hấp dẫn, nhẹ nhàng, sâu lắng hơn, tự nhiên, gần gũi hơn. Cách sử dụng như vậy cũng phù hợp với đặc điểm tâm lý của lứa tuổi học sinh Tiểu học. Đây cũng chính là một phương diện của biện pháp nghệ thuật tu từ nhân hóa.

Trong số các văn bản đọc hiểu được khảo sát, có rất nhiều văn bản sử dụng phép nhân hóa.

Về thơ có các văn bản như: *Bầu trời trong quả trứng, Gặt chữ trên non,Quả ngon cuối mùa, Tiếng ru, Cảm xúc Trường Sa, Bước mùa xuân…*

Văn bản tự sự và miêu tả: *Thi nhạc, Thằn lằn xanh và tắc kè, Đò ngang, Tiếng nói của cỏ cây, Chân trời cuối phố, Bầu trời mùa thu, Chiều ngoại ô,..*

Nhân hóa là "*gọi hoặc kể, tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng tự nhiên,… bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc kể, tả người; làm cho chúng trở nên gần gũi, sinh động hơn.*" [1, 79]

Các tác giả đã kể, tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng tự nhiên…. bằng cách sử dụng những động từ vốn để chỉ hoạt động, trạng thái của người. Biện pháp nghệ thuật này đã mang lại cho các em học sinh Tiểu học cảm xúc

thật đặc biệt. Vạn vật như có linh hồn, biết trò chuyện, biết yêu thương, biết ước mơ, khám phá, biết hạnh phúc, biết chia sẻ… Chú gà con trong *Bầu trời trong quả trứng* như một bạn nhỏ kể với các bạn về hai giai đoạn của cuộc đời mình. Giai đoạn 1, lúc còn nằm trong quả trứng, gà con chỉ thấy bầu trời bên trong là một màu nâu, không có nắng, không có gió, không có lắm sắc màu, chỉ thấy một màu nâu. Giai đoạn 2, lúc gà con đã nở, bước ra thế giới bên ngoài, chú nhìn thấy bao điều lạ lẫm: nhiều gió lộng, nhiều nắng reo, biết là có mẹ, biết yêu thương..Trong vỏ trứng, chú gà con chẳng biết làm gì nhưng đến khi bước ra thế giới bên ngoài, chú đã biết thêm bao điều thật thú vị. Mỗi ngày là một sự trải nghiệm mới, khám phá mới, cảm xúc mới: *Tôi đạp vỡ màu nâu/Bầu trời trong quả trứng/ Bỗng thấy nhiều gió lộng/ Bỗng thấy nhiều nắng reo/ Bỗng tôi thấy thương yêu/ Tôi biết là có mẹ.*[1, 40] Động từ " *thương yêu*" chỉ trạng thái của chú gà con khi được bước ra thế giới bên ngoài. Chú cảm nhận được tình yêu thương của mẹ. Mẹ đã chờ đợi, đã yêu thương gà con từ rất lâu rồi. Chú gà con giống như các bạn nhỏ đang ngày một khôn lớn trưởng thành. Các em sẽ được sống trong tình yêu thương của cha mẹ, thầy cô …để được học tập, khám phá và tìm hiểu sự kì diệu của cuộc sống.

Với chủ đề "*Sống để yêu thương*", tác giả Võ Thanh An trong bài thơ *Quả ngon cuối mùa* đã gửi tới các em thông điệp thật ý nghĩa và sâu sắc về sự biết ơn, sự yêu thương, sự trân trọng. Hình ảnh người bà hiện lên thật bình dị, gần gũi. Thời gian qua đi, con cháu lớn khôn trưởng thành cũng là lúc tóc bà đã nhuộm màu sương gió. Bà thật cô đơn vì " *vắng con xa cháu*" nhưng có gì ngon nhất bà cũng để dành cho con cháu, có chùm quả ngon bà vẫn "giữ" để "*chờ con, phần cháu*" rồi ngày ngày lại lo lắng trông coi: lo thời tiết " *sương táp*" lo chim ăn…Vậy nên "*quả vàng*"cũng như thấu hiểu được tấm lòng của bà nên:

" Quả vàng nằm giữa cành xuân
Mải mê góp mật, chuyên cần tỏa hương" [2,20]

Động từ "*mải mê*" chỉ trạng thái của con người, được tác giả dùng để chỉ trạng thái của chùm quả. Bao nhiêu yêu thương, nhớ nhung bà gửi gắm

vào"*quả ngọt cuối mùa*". Quả càng ngọt, càng ngon bao nhiêu thì tình thương của bà dành cho con cho cháu càng nhiều bấy nhiêu.Tình yêu thương của bà đã kết thành trái ngon trái ngọt. Mặc dù "*cuối mùa*" nhưng vẫn " *mải mê góp mật*" để "*tỏa hương*" cho đời.

Cũng với cách sử dụng các động từ chỉ hoạt động trạng thái của người để chỉ hoạt động trạng thái của cây cối, con vật, đồ vật, hiện tượng tự nhiên, tác giả Nguyễn Bao trong bài thơ *Bước mùa xuân* lại mang tới cho các bạn học sinh Tiểu học một người bạn thiên nhiên tươi đẹp. Mỗi lần người bạn này xuất hiện cảnh vật quê hương đất nước lại có sự đổi thay diệu kỳ. Đó chính là mùa xuân. Trải qua mùa đông khắc nghiệt lạnh giá, khi hơi thở của mùa xuân ùa về, vạn vật như bừng tỉnh: nắng ấm áp trong veo, gió xuân hây hẩy thơm mùi cỏ cây, mưa xuân nhè nhẹ giăng mắc khắp cánh đồng, hoa xoan tím, hoa cải vàng, hoa vải trắng điểm tô màu sắc tươi vui…Cảnh vật có màu sắc, có hương vị, có âm thanh thật đặc trưng cho mùa xuân làng quê Việt Nam. Cảnh vật ấy còn có sự chuyển động: "*Nụ xòe tay hứng/ Giọt nắng trong veo/ Gió thơm hương lá/ Gọi mầm vươn theo/ Cỏ lặng dưới chân/ Cũng xanh với nắng/Ven bãi phù sa/Dế mèn hắng giọng/ Chuyền trong vòm lá/ Chim có gì vui/ Mà nghe ríu rít/ Như trẻ reo cười/ Mùa xuân đang nói/ Xôn xao, thầm thì…/ Chốn nào cũng gặp/ Bước mùa xuân đi."*[2, 85]. Với các động từ "*xòe, hứng, gọi, hắng giọng, reo cười, nói, thầm thì, đi*", mùa xuân được miêu tả giống như những bạn nhỏ đáng yêu, đi đến đâu là mang lại vẻ đẹp tươi vui dạt dào sức sống cho làng quê đất nước đến đó. Bởi vì các em cũng chính là mùa xuân của cuộc đời, mùa xuân hi vọng của đất nước.

Không chỉ các văn bản thơ, trong các văn bản tự sự hay miêu tả, các tác giả cũng sử dụng biện pháp nhân hóa bằng cách sử dụng các động từ chỉ hoạt động trạng thái của người để kể, miêu tả hoạt động trạng thái của cây cối, đồ vật, con vật, hiện tượng tự nhiên.

Với tác phẩm *Thi nhạc* trong chủ đề "*Mỗi người một vẻ*" - chủ đề đầu tiên của chương trình, tác giả Nguyễn Phan Hách đã miêu tả tài năng âm nhạc của các con vật thật độc đáo, ấn tượng, đặc sắc. Mỗi con vật hiện lên như một

nghệ sĩ thực thụ đang trình diễn bản nhạc của riêng mình. Tuy bản nhạc trình diễn của mỗi một "*học trò*" là khác nhau, không ai giống ai nhưng đều say mê, cuốn hút. Điều này được "*thầy vàng anh*" nhận xét: "*Thầy rất vui vì sự thành công của các em. Các em đã tạo dựng cho mình một phong cách độc đáo, không ai bắt chước ai*" [1,13]. Học trò ve sầu có đặc trưng là chỉ kêu vào mùa hè, được tác giả miêu tả như sau: "*Ve sầu được thầy mời trình bày tác phẩm trước tiên. Mặc áo măng tô trong suốt, đôi mắt nâu lấp lánh, đầy vẻ tự tin, ve sầu biểu diễn bản nhạc "Mùa hè". Gian phòng tràn ngập âm thanh. Tiếng vi - ô - lông réo rắt, tiếng cla-ri-net, xen-lô ấm áp,...Tiếng nhạc gợi màu hoa phượng đỏ rực, nắng sáng trắng, bầu trời xanh mênh mông. Bên hàng giậu, hoa mướp vàng và những cánh ong rù rì*"[1, 12]. Ve sầu như một nghệ sĩ đang trình bày bản nhạc cổ điển nên có trang phục và nhạc cụ thật đặc trưng cho dòng nhạc giao hưởng: áo măng tô trong suốt, đàn vi - ô - lông, cla-ri-net, xen-lô. Hoa phượng, ánh nắng, bầu trời xanh mênh mông cũng rất đặc trưng cho mùa hè được gợi lên từ bản nhạc. Còn mùa thu, không khí mát mẻ, dịu dàng, lá vàng khô rơi trong gió, trong nắng nhẹ nhàng vàng óng lại được hiện lên qua bản nhạc "*Mùa thu*" của chú dế mèn. "*Đến lượt dế mèn. Dế bước ra khỏe khoắn và trang nhã trong chiếc áo nâu óng. Bản nhạc "Mùa thu" gợi hình ảnh những chiếc lá khô xoay tròn, rơi rơi trong nắng. Tiếng gió xào xạc thầm thì với lá…*"[1, 12-13]. Học trò dế mèn đã trình bày bản nhạc phù hợp với năng lực sở trường của mình. Tiếng dế mèn kêu ri ri trong những đêm thanh tĩnh của mùa thu cũng mang lại cho mỗi người những cảm xúc thật đặc biệt. Đến mùa xuân, mùa của sự đâm chồi nảy lộc, vạn vật sinh sôi nảy nở, muôn loài ca hát vang lừng lại có tiếng ca của chim họa mi: "*Trong tà áo dài thướt tha, họa mi trông thật dịu dàng, uyển chuyển. Bản nhạc " Mùa xuân" vang lên réo rắt, say đắm, rồi dần chuyển sang tiết tấu rạo rực, tưng bừng. Những giọt mưa xuân rơi trên đôi má nóng rực. Những chiếc mầm bật khỏi cành. Hoa đào rộ lên khoe sắc…*"[1, 13].Chim họa mi đúng là nghệ sĩ của mùa xuân. Mỗi lần họa mi cất tiếng hót, mọi vật đều biết mùa xuân đang về.Tiếng hót của họa mi làm cảnh vật bừng tỉnh, tiếng hót gọi sức sống trỗi

dậy khắp muôn nơi. Tiếng hót mang lại hạnh phúc cho muôn loài. Với tiếng hót như vậy nên họa mi đã được tác giả chọn cho trang phục "*thật dịu dàng*" đó là "*tà áo dài thướt tha*" duyên dáng. Họa mi như một nữ nghệ sĩ đang say sưa thả hồn vào bản nhạc.

Ngoài những học trò nêu trên, "*thầy vàng anh*" còn có một học trò thật đặc biệt. Mỗi ngày, học trò này đều cất vang tiếng gáy gọi bình minh thức dậy báo hiệu một ngày đã đến:*"Sau ve sầu, gà trống đĩnh đạc bước lên, kiêu hãnh ngẩng đầu với cái mũ đỏ chói. Gà mở đầu khúc nhạc " Bình minh" bằng tiết tấu nhanh, khỏe đầy hứng khởi: Tờ-rec…tờ-re-te-te…Phần cuối bản nhạc là niềm mãn nguyện khi thấy mặt trời lên rực rỡ. Tiết tấu trở nên vui nhộn khi gà sử dụng bộ gõ: Cục-cục!...Cục- cục!..Cục-cục!.."*[1, 12]. Với các động từ " *kiêu hãnh, ngẩng, mở đầu, sử dụng*", gà trống được miêu tả giống như một nam nhạc công chuyên nghiệp đang biểu diễn khúc nhạc "*Bình minh*" chỉ riêng mình có.

Mỗi một học trò đều có những bài thi thật xuất sắc, bộc lộ được tài năng riêng có của bản thân mình. Vì vậy mà mỗi khi một học trò thi xong "*thầy giáo vàng anh*" đều có những cảm xúc, hành động đặc biệt thể hiện qua các chi tiết như: "*Thầy giáo xúc động, cúi xuống ghi điểm*", " *Đôi mắt thầy vàng anh nhòa đi*" - thầy xúc động đến trào nước mắt. Các học trò đã phát huy được thế mạnh sở trường của bản thân mình làm thầy thật vui, tự hào, cảm động. Thông điệp mà câu chuyện muốn gửi tới các em đó là: hãy tạo dựng tài năng riêng có của mình dựa vào năng lực sở trường của bản thân. Vì "*Mỗi người mỗi vẻ*" đều có những điểm mạnh, tài năng riêng, quan trọng là biết phát huy nó thì các em sẽ thành công.

Cùng trong chủ đề "*Mỗi người mỗi vẻ*", câu chuyện *Thằn lằn xanh và tắc kè* lại mang đến cho các em một thông điệp đó là: Hãy biết trân trọng những đặc điểm riêng bản thân mình để lựa chọn hoàn cảnh sống cho phù hợp. Vì mỗi người là một cá thể có đặc điểm riêng biệt, sống trong những hoàn cảnh gia đình khác nhau nên sẽ có những thuận lợi và khó khăn khác nhau. Chúng ta không nên so sánh, so bì rồi mong muốn những thứ không

phù hợp với bản thân mình. Nếu không sẽ phải gánh chịu những hậu quả đáng tiếc. Giống như thằn lằn và tắc kè có những đặc điểm sinh học khác nhau nên sẽ có môi trường sống phù hợp. Nếu thay đổi môi trường sống không phù hợp cả hai con vật sẽ chết vì không thể kiếm ăn được. Tác giả sử dụng biện pháp nhân hóa để miêu tả hoạt động, trạng thái của hai con vật với các động từ như: "*nghĩ, cất, chào, thích, đáp, chán, muốn, quyết định, vui"*... Do vậy, đoạn hội thoại sau trong tác phẩm được viết thật ngộ nghĩnh, dễ thương, đáng yêu.

"*- Chào cậu! Tớ là thằn lằn xanh.Tớ thích đi kiếm thức ăn vào ban ngày.*

- Chào cậu! Tớ là tắc kè. Tớ thích đi kiếm ăn vào buổi tối. - Tắc kè đáp lời thằn lằn xanh.

Cả hai bạn cảm thấy thích thú về cuộc sống của nhau. Tắc kè liền nói:

-Hay chúng mình thử đổi cuộc sống cho nhau đi! Tớ chán những bức tường lắm rồi. Tớ muốn kiếm ăn trên những cái cây và trong các bụi cỏ giống cậu.

-Thằn lằn xanh khoái chí:

- Còn tớ, tớ muốn bò lên tường để đi tìm thức ăn giống cậu. Mới nghĩ thế mà tớ đã thấy vui làm sao!" [1, 23]

Hai con vật giống như hai người bạn nhỏ gặp gỡ chào hỏi làm quen rồi tìm hiểu về cuộc sống của nhau, trao đổi sở thích mong muốn cho nhau, cuối cùng cũng tự rút ra bài học cần thiết.

Với chủ đề "*Niềm vui sáng tạo*" bầu trời mùa thu trong văn bản cùng tên được các bạn học sinh nước Nga miêu tả với rất nhiều tâm trạng, hoạt động giống như con người: "*Bầu trời xanh như mặt nước mệt mỏi trong ao*", "*Bầu trời được rửa mặt sau cơn mưa*", "*Bầu trời buồn bã*", "*Bầu trời trầm ngâm. Nó nhớ đến tiếng hót của bầy chim sơn ca*", " *Bầu trời ghé sát mặt đất. Mùa hè, nó cao hơn và có những con chim én bay liệng. Còn bây giờ, chẳng có chim én nữa, vì thế bầu trời cúi xuống lắng nghe để tìm xem chim én đang ở trong bụi cây hay ở nơi nào*" [1, 89]. Bằng các động từ: *rửa, cúi, mệt mỏi, nhớ, ghé* bầu trời mùa thu nước Nga được miêu tả thật sinh động và gần gũi, thể hiện sự sáng tạo độc đáo của mỗi bạn nhỏ trong lớp học. Cùng một sự vật hiện tượng nhưng mỗi người có sự sáng tạo, cảm nhận của riêng mình thì sẽ

có những cách miêu tả hấp dẫn và độc đáo giống như các bạn nhỏ trong lớp học nước Nga.

Nếu như bầu trời mùa thu nước Nga được miêu tả thật sinh động qua cách cảm nhận của các bạn học sinh thì buổi chiều mùa hè ở ngoại ô của đất nước Việt Nam cũng có những nét đặc sắc. Không khí mát mẻ yên tĩnh, nắng chiều dịu nhẹ. Đi dạo cùng các bạn dọc con kênh, các bạn nhỏ thấy được vẻ đẹp đặc trưng của làng quê Việt Nam: con kênh trong vắt, trải dài hai bờ kênh là dải cỏ xanh như tấm thảm, những ruộng rau muống xanh mơn mởn lấp lánh hoa màu tím, rặng tre xanh "*thì thầm*" trong gió, đồng lúa chín vàng mênh mông trải dài tít tắp, trên khoảng trời bao la những đám mây trắng " *vui đùa đuổi nhau* ", chim sơn ca cất tiếng hót trong ráng chiều vàng dịu, không gian thơm hương đất, hương sen, hương lúa…Cảnh vật hiện lên thật êm đềm thơ mộng tươi đẹp biết bao. Vẻ đẹp ấy khiến cho con người không thể không "*ao ước giá mình có đôi cánh*" để tự do bay lượn với những ước ao của tuổi thơ " *tôi muốn gửi ước mơ của mình theo cánh diều lên tận mây xanh*". Nguyễn Thụy Kha đã sử dụng phép nhân hóa khi miêu tả rặng tre đung đưa trong gió như đang "*thì thầm*" và những áng mây trắng trôi trên bầu trời mùa hè như đang " *vui đùa đuổi nhau*" làm cho cảnh vật buổi chiều ngoại ô trở nên sinh động và có hồn.

Đất nước Việt Nam thật tươi đẹp. Tất cả đang chờ đợi các em lớn khôn trưởng thành để khám phá, xây dựng… Các em cần hiểu rằng "*mỗi người mỗi vẻ*" nhưng nếu biết phát huy được năng lực sở trường của bản thân thì các em sẽ thành công. Muốn vậy, các em hãy biết "*Trải nghiệm và khám phá*" các em sẽ có những "*Niềm vui sáng tạo*" để "*Chắp cánh ước mơ*" của mình. Bệ phóng của các em chính là gia đình, quê hương, đất nước nên các em hãy "*Sống để yêu thương*", hãy "*Uống nước nhớ nguồn*". Luôn có "*quê hương trong tôi*" các em sẽ đạt được những điều mình mong muốn và có ý nghĩa. "*Vì một thế giới bình yên*" các em sẽ có cuộc sống hòa bình, hạnh phúc.Vì thế các em hãy xác định mình không chỉ là công dân của đất nước Việt Nam mà các em còn là công dân toàn cầu. Đó là những thông điệp nhẹ nhàng sâu sắc mà

các văn bản đọc- hiểu trong chương trình Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" muốn gửi tới các em. Một trong những phương tiện ngôn ngữ góp phần giúp các tác giả truyền tải thành công các thông điệp đó chính là động từ.

2.4. Thiết kế các dạng bài tập liên quan đến động từ dành cho học sinh Tiểu học

Với yêu cầu về phương pháp dạy học như trên nên sách Tiếng Việt 4 và Vở bài tập Tiếng Việt 4 - Bộ sách: "Kết nối tri thức với cuộc sống" đã chú trọng thiết kế các bài tập đa dạng phong phú, nhằm hướng tới hình thành phát triển năng lực cho học sinh, trong đó có các bài tập về động từ - phần Luyện từ và câu. Thông qua đó, các em được học kiến thức về từ loại động từ ở mức dễ hiểu, gần gũi với bản thân. Việc học kiến thức được áp dụng để thực hiện giải quyết những vấn đề cụ thể trong cuộc sống. Các bài tập về động từ được thiết kế theo hướng giao tiếp thực hành và được tích hợp trong 4 hoạt động : nghe, nói, đọc, viết. Sau khi nhận diện được các động từ, các em có các bài tập để sử dụng động từ tạo lập viết đoạn văn, bài văn theo các chủ đề nhất định trong bài học.

Do vậy, trước khi thiết kế các bài tập về động từ, chúng tôi tiến hành khảo sát các loại bài tập về động từ trong sách giáo khoa Tiếng Việt 4 và Vở bài tập Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống".

2.4.1. Khảo sát các loại bài tập về động từ trong sách giáo khoa Tiếng Việt 4 và Vở bài tập Tiếng Việt 4-Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống"

2.4.1.1. Bài tập nhận diện động từ

Qua khảo sát chúng tôi nhận thấy bài tập nhận diện các động từ thường có dạng như sau:

Cho ngữ liệu là văn bản truyện hoặc kịch,thơ, tục ngữ, ca dao sau đó yêu cầu học sinh tìm các động từ bằng cách gạch chân hoặc ghi lại.

Ví dụ: *Bài 4. Gạch dưới các động từ chỉ hoạt động trong đoạn văn.*

Thầy giáo mới của lớp tôi đọc một bài toán vui. Bài toán không khó lắm, nhưng phải biết mẹo mới giải được. Tôi thích nhất toán vui. Tôi liền giơ

tay lên và được phép nói ngay. Thầy Minh lắng nghe tôi trình bày cách giải rồi gật đều khen:

-Tốt! Phương pháp giải rất thông minh!

Cả lớp quay đầu nhìn tôi, làm tôi đỏ mặt lên vì sung sướng.[25, 37]

(Lê Khắc Hoan)

Bài 3. Gạch dưới động từ trong các câu tục ngữ dưới đây:

a.Yêu trẻ, trẻ đến nhà.

b.Thương người như thể thương thân.

c. Uống nước nhớ nguồn.

d. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn [25, 29]

Bài 4. Gạch dưới các động từ có trong những đoạn thơ sau:

a.Ông bị đau chân	*b.Ơi chích chòe ơi!*
Nó sưng nó tấy	*Chim đừng hót nữa*
Đi phải chống gậy	*Bà em ốm rồi*
Khập khiễng khập khà	*Lặng cho bà ngủ* [25, 43]
(Tú Mỡ)	(Thạch Quỳ)

2.4.1.2. Bài tập hệ thống hóa động từ

Bài tập này có dạng sau: Cho một tiếng sau đó tìm các động từ chứa các tiếng đó

Ví dụ: *Bài 1. Tìm các động từ theo mẫu (M)*

a.Chứa tiếng "yêu" M: yêu quý *b.Chứa tiếng "thương" M: thương mến*

c.Chứa tiếng"nhớ"M: nhớ mong *d.Chứa tiếng "tiếc" M: tiếc nuối* [1, 57]

2.4.1.3. Bài tập sử dụng động từ

So với hai loại bài tập trên, loại bài tập này được thiết kế nhiều hơn, nhằm rèn luyện kỹ năng sử dụng động từ tiếng Việt của các em học sinh. Bài tập này có các dạng như sau:

(1). Cho ngữ liệu là văn bản truyện, văn bản miêu tả hoặc văn bản thông tin… sau đó yêu cầu học sinh tìm các động từ phù hợp để điền vào.

Ví dụ: *Bài 2. Điền động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc vào chỗ trống (mỗi từ chỉ sử dụng một lần)*

Mẹ ơi!

Con…….mẹ quá! Sao mẹ đi công tác lâu thế? Tối nào em Chi cũng khóc đòi mẹ. Con……..em lắm. Chúng con rất mong mẹ về.

Hôm nay con vừa giành được giải Nhất cuộc thi cờ vua mẹ ạ. Ai cũng …..con. Còn con, con rất …….bác Dũng đã dạy con học cờ. Thế mà hồi xưa khi mới học cờ, con ……..môn này thế. Con còn ……mẹ vì mẹ cứ thuyết phục con học. Bây giờ thì con……..cờ vua lắm.

Mai con lại nhắn tin tiếp cho mẹ nhé. Con ……..mẹ!

Con gái [25, 42-43]

(2). Cho sẵn các động từ (4-6 động từ) và các ngữ liệu là các văn bản ngắn có thể là thơ, truyện… Sau đó yêu cầu học sinh chọn trong số các động từ để điền vào chỗ trống của ngữ liệu.

Ví dụ: *Bài 1. Chọn động từ trong khung điền vào chỗ trống*

a

Gáy, kêu, vọng, vỗ

Rừng núi còn chìm đắm trong màn đêm. Bỗng một con gà trống…….cánh phành phạch và cất tiếng ……..lanh lảnh ở đầu bản. Mấy con gà rừng trên núi cũng thức dậy……..te te. Trên mấy cây cao cạnh nhà, ve đua nhau ……ra rả. Ngoài suối, tiếng chim cuốc……vào đều đều. Bản làng đã thức giấc.

(Theo Hoàng Hữu Bội)

b.

Nhảy, tìm, kêu, hót

Buổi trưa, nương rẫy im vắng. Mặt trời đứng thẳng trên đỉnh đầu. Không một con chim ……., không một con thú ……Đàn khướu làm tổ trong bụi nứa vừa……véo von, giờ đã im bặt. Buổi trưa dần qua, Trời bớt oi ả. Gió rừng lại nổi. Bầy khướu ……lách tách trên cành……..sâu. Tiếng lá xào xạc trong gió.

(Theo Vũ Hùng) [25, 35]

(3).Bài tập sử dụng động từ để tạo lập văn bản, có thể là viết đoạn văn hoặc đặt câu

Ví dụ: *Bài 3. Ghi lại các động từ chỉ hoạt động di chuyển tìm được ở bài tập 2 và đặt câu với các từ đó.* [25, 36]

Bài 3. Sử dụng các động từ dưới đây để đặt câu phù hợp với tranh: ốm, mệt, khát, sốt, nhức, đau [1, 57]

Ngoài ra trong quá trình khảo sát, chúng tôi cũng tìm hiểu thêm về các dạng bài tập liên quan đến động từ trong sách học sinh và Vở bài tập Tiếng Việt của hai bộ sách "Cánh diều*",* "Chân trời sáng tạo". Chúng tôi nhận thấy các bài tập về động từ trong hai bộ sách này chủ yếu cũng được thiết kế với các dạng nêu trên. Tuy nhiên ở loại bài tập sử dụng động từ, sách Tiếng Việt 4- Bộ sách "Cánh diều" có thêm loại bài tập xác định các phụ từ bổ sung ý nghĩa cho động từ trong câu.

Ví dụ: Bài 1

a.Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho những động từ nào? Gạch chân dưới những động từ đó.

*- Tin –tin: Cậu **đang** làm gì với đôi cánh xanh ấy?*

*Em bé thứ nhất: Mình **sẽ** dùng nó vào việc sáng chế trên Trái Đất.*

*- Những tính toán của Ca-tơ-rin thật sự hoàn hảo, **đã** góp phần đưa các phi hành gia lên Mặt Trăng rồi quay trở lại Trái Đất an toàn.*

b.Các từ in đậm nói trên đã bổ sung ý nghĩa gì cho động từ? Đánh dấu √ vào ô vuông □ trước ý đúng:

□ *Thời gian diễn ra hoạt động trạng thái*

□ *Đặc điểm của hoạt động trạng thái.*

□ *Mức độ của hoạt động, trạng thái.*

□ *Sự vật có hoạt động, trạng thái.* [21, 55]

Bài 2. Truyện vui sau dùng một số từ (in đậm) không đúng. Em hãy sửa lại cho đúng bằng cách bỏ hoặc thay các từ ấy bằng những từ phù hợp. Giải thích vì sao em sửa như vậy.

Bò ăn cỏ

Khách: Sao bức tranh này không có hình gì, thưa ông?

*Họa sĩ: Bức tranh đó vẽ một con bò **sẽ** ăn cỏ đấy, ông ạ.*

Khách: Tôi có thấy cỏ đâu?

*Họa sĩ: Con bò **đang** ăn hết rồi, thưa ông.*

Khách: Thế con bò đâu?

*Họa sĩ: Thưa ông, con bò không đời nào đứng ì ở đó sau khi **sắp** ăn hết cỏ* [19, 80]

Loại bài tập này đã chú ý rèn luyện cho học sinh cách kết hợp động từ với các phụ từ chỉ thời thể. Đây cũng là hướng mới trong quá trình thiết kế các bài tập về động từ.

2.4.2. Thiết kế các bài tập liên quan đến động từ

Sau khi đã khảo sát các loại bài tập và nghiên cứu về nội dung, phương pháp giảng dạy của sách Tiếng Việt 4- Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống", chúng tôi cũng thiết kế các bài tập theo 3 loại nêu trên. Đó là bài tập hệ thống hóa động từ, bài tập nhận diện động từ, bài tập sử dụng động từ

a.Bài tập hệ thống hóa động từ

Làm từ điển về động từ: Sau khi học xong bài về động từ, công dụng của từ điển, giáo viên có thể cho các em thống kê các động từ xuất hiện trong một văn bản đọc hiểu bất kì rồi sau đó yêu cầu các em sắp xếp các động từ đó theo thứ tự chữ cái ABC như trong từ điển

b.Bài tập nhận diện động từ:

Đa dạng hóa các ngữ liệu để học sinh nhận diện động từ.

Giáo viên có thể tự biên soạn các ngữ liệu để các em nhận diện động từ, sau khi đã học xong lý thuyết về từ loại này. Không nhất thiết là thơ, truyện, kịch, giáo viên có thể chọn ngữ liệu là các bài hát hoặc có thể là những đoạn, bộ phim hoạt hình ngắn phù hợp với lứa tuổi các em và có ý nghĩa giáo dục. Hoặc cũng có thể là ngữ liệu trong các môn học khác của chương trình lớp 4 như môn Khoa học, Lịch sử- Địa lý, Toán học…sau đó yêu cầu các em xác định các động từ.

Ngoài ra ngữ liệu xác định động từ cũng nên mở rộng sang các văn bản thông tin. Vì đây là một loại văn bản rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày của các em, hoặc các biển báo giao thông, biển báo ở các khu công cộng…

Trong thời đại công nghệ 4.0 như hiện nay, việc làm quen với công nghệ thông tin, với tin học là điều rất cần thiết. Vì vậy, giáo viên có thể chọn ngữ liệu là các bức thư điện tử mà các em tạo lập để xác định các động từ.

Giáo viên nên chú ý lựa chọn những ngữ liệu ngắn gọn, có những động từ dễ hiểu, gần gũi với cuộc sống và các chủ đề học tập của các em.

Ví dụ: Các em nghe và xác định các động từ trong bài hát sau:

Em đi giữa biển vàng

Sáng tác: Bùi Đình Thảo

Em đi giữa biển vàng
Nghe mênh mang trên đồng lúa hát
Hương lúa chín thoang thoảng bay
Làm lung lay hàng cột điện
Làm xao động cả rặng cây

Em đi giữa biển vàng
Nghe mênh mang trên đồng lúa hát
Bông lúa trĩu trong lòng tay
Như đựng đầy mưa gió nắng
Như mang nặng giọt mồ hôi
Của bao người
Nuôi lúa lớn lúa ơi
Của bao người
Nuôi lúa lớn lúa ơi.

Các động từ trong bài hát: đi, nghe, hát,chín,thoang thoảng, bay, làm, lung lay, xao động, đựng, mang, nuôi, lớn.

Bài hát trên có ca từ giản dị dễ hiểu (đặc biệt có sử dụng nhiều động từ), giai điệu ngọt ngào, du dương, chứa đựng nhiều cảm xúc, phù hợp với

chủ điểm *"Trải nghiệm và khám phá"*. Nên có thể được sử dụng làm ngữ liệu để các em làm bài tập về nhận diện động từ .

Ngoài ra, giáo viên có thể lựa chọn những bộ phim hoạt hình ngắn của hãng phim hoạt hình Việt Nam sản xuất như: *Anh và em, Bố gà con vịt, Bố của gà con, Mái tơ phúc hậu*…Đây là những bộ phim dung lượng vừa phải, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, dễ tìm kiếm trên nền tảng trực tuyến. Cho nên các em có thể xem và làm bài tập ở lớp hoặc ở nhà đều được.

Ví dụ: Bài tập: Hãy xác định các động từ trong bộ phim hoạt hình sau: bộ phim "*Anh và em"*

Hình 2.6. Hình ảnh trong phim hoạt hình "*Anh và em*" [29]

Với loại bài tập này, giáo viên không nên bắt buộc yêu cầu học sinh phải xác định được hết tất cả các động từ trong bộ phim. Tùy vào trình độ nhận thức và hứng thú học tập của các em, giáo viên có thể đưa ra yêu cầu tối thiểu, như xác định ít nhất 5-7 động từ. Điều này giúp giảm đi áp lực hoàn thành bài tập mà tăng cường kích thích mong muốn học tập khám phá của các em học sinh.

c. Bài tập sử dụng động từ

Giáo viên tạo ra nhiều ngữ cảnh, hoạt động để học sinh có cơ hội, nhu cầu sử dụng động từ.

(1) Làm thiếp sau đó ghi lời chúc mừng ông, bà, bố, mẹ, thầy cô giáo, bạn bè nhân các ngày lễ lớn trong năm như ngày: 20-11, 8-3, 20-10, 22-12, nhân dịp sinh nhật, Tết Nguyên đán bằng cách sử dụng các động từ.

(2)Vẽ tranh về các nhân vật trong các văn bản đọc hiểu sau đó tìm và điền các động từ chỉ hoạt động tương ứng với các nhân vật. Hoặc cũng có thể vẽ tranh phong cảnh, sau đó điền các động từ tương ứng.

Ví dụ: Đối với văn bản *Thi nhạc*, sau khi học xong và đã được trang bị kiến thức về động từ, giáo viên có thể yêu cầu các em vẽ tranh về các nhân vật: ve sầu, gà trống, dế mèn, họa mi, vàng anh. Sau đó yêu cầu các em điền các động từ mà các em tìm được tương ứng với các nhân vật.

Giáo viên không nên chú trọng nhiều vào việc vẽ xấu hay vẽ đẹp của các em. Điều quan trọng là, các em phát huy trí tưởng tượng của mình và tìm được các động từ chỉ hoạt động trạng thái tương ướng với các nhân vật.

Nên lựa chọn những văn bản có những nhân vật,phong cảnh tương đối dễ vẽ, phù hợp với sở thích, năng lực sáng tạo của học sinh Tiểu học: Ví dụ: *Thằn lằn xanh và tắc kè, Ngựa biên phòng, Chân trời cuối phố*….

Các bài tập trên nên được lựa chọn sử dụng vào những thời điểm hợp lý, phù hợp với phân bố nội dung chương trình. Ví dụ, bài tập làm từ điển về động từ chỉ được sử dụng sau khi các em đã được học bài về cách sử dụng từ điển. Bài tập vẽ tranh về các nhân vật sau đó điền động từ phù hợp, bài tập tìm động từ trong các bài hát có thể được sử dụng trong phần ôn tập và đánh giá giữa kì, cuối kì 1.

*** Tiểu kết**

Như vậy trong chương 2, chúng tôi đã trình bày kết quả khảo sát và chỉ ra vai trò của các động từ trong các văn bản đọc - hiểu. Đồng thời cũng trình bày kết qua khảo sát các bài tập liên quan đến động từ của sách Tiếng Việt 4, Vở bài tập tiếng Việt 4 *(*Kết nối tri thức với cuộc sống, Cánh điều, Chân trời sáng tạo). Trên cơ sở đó đưa ra những gợi ý và xây dựng một số bài tập về

động từ mà trong các sách nêu trên chưa đề cập. Đây là những gợi ý, bài tập mà giáo viên cân nhắc có thể sử dụng vào những thời điểm phù hợp để giúp các em có những vận dụng tốt kiến thức về từ loại động từ đã được học vào trong quá trình giao tiếp và học các môn học khác.

KẾT LUẬN

Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp quan trọng bậc nhất của con người. Ngôn ngữ và tư duy có mối quan hệ mật thiết gắn bó với nhau. Muốn phát triển tư duy thì ngôn ngữ cũng phải phát triển và ngược lại. Do vậy trang bị kiến thức tiếng Việt cho các em học sinh Tiểu học là việc làm cần thiết. Với những kiến thức sơ giản về tiếng Việt trong sách Tiếng Việt 4- Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống", các em học sinh Tiểu học sẽ được học và sử dụng một từ loại quan trọng của tiếng Việt - động từ.

Ngoài những bài học trực tiếp liên quan đến kiến thức về động từ trong phần Luyện từ và câu, các em học sinh cũng được mở rộng thêm về các loại động từ thông qua học các văn bản đọc hiểu trong chương trình. Các văn bản đọc - hiểu trong sách Tiếng Việt 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" đã sử dụng rất nhiều các động từ để chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật. Đặc biệt với việc sử dụng các động từ vốn để chỉ hoạt động trạng thái của người để kể, tả các hoạt động trạng thái của cây cối, loài vật, đồ vật, hiện tượng tự nhiên.. các tác giả đã mang tới cho các em học sinh Tiểu học những cái nhìn mới mẻ, hấp dẫn về thế giới xung quanh. Qua đó các em được hiểu, cảm nhận, tự rút ra những bài học có giá trị trong cuộc sống.

Để sử dụng tốt hơn, hiệu quả hơn các động từ trong giao tiếp và học tập, ngoài các bài tập về động từ trong sách giáo khoa Tiếng Việt 4 và Vở bài tập Tiếng Việt 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống, Cánh diều, Chân trời sáng tạo), chúng tôi đề xuất, thiết kế thêm một số kiểu dạng bài tập. Đây là những bài tập mang tính chất tham khảo gợi ý, giúp cho các thầy cô dạy Tiểu học và các em sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học có thêm những ý tưởng bổ sung làm phong phú thêm phương pháp dạy học tiếng Việt của mình. Hy vọng những bài tập đó giúp các em có thêm hứng thú khi học tiếng Việt, thêm yêu, thêm tự hào về tiếng Việt - tài sản quý báu của dân tộc ta. Và nhất là nhanh chóng đạt được mục tiêu "Kết nối tri thức với cuộc sống".

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN

1.Lê Thị Thu Hoài (2024). "Vai trò của động từ trong các văn bản đọc hiểu sách Tiếng Việt lớp 4 Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống", *Tạp chí Thiết bị Giáo dục,(319),tr134-136.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I.Tiếng Việt

1.Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống),* NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

2.Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4, tập 2 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống),* NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

3.Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023). *Sách giáo viên Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống),* NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

4.Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023). *Sách giáo viên Tiếng Việt 4, tập 2 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống),* NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

5.Bùi Trọng Ngoãn (2004). *Khảo sát các động từ tình thái trong tiếng Việt,* Luận án Tiến sĩ ngôn ngữ học,Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn-Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.Bùi Minh Toán (Chủ biên) (2007). *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt* (*Sách dùng cho Cao đẳng*), NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

7.Diệp Quang Ban(1998). *Ngữ pháp tiếng Việt, tập 1*,NXB Giáo dục, Hà Nội.

8.Diệp Quang Ban (1998). *Ngữ pháp tiếng Việt,tập 2*,NXB Giáo dục, Hà Nội.

9.Đinh Văn Đức (2010). *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

10. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên) (2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

11. Hoàng Phê (Chủ biên) (2002).*Từ điển tiếng Việt,* Xuất bản lần 8,NXB Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

12. Lê A (Chủ biên) (2015).*Giáo trình Tiếng Việt 3,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

13.Mai Thị Yến (2015). *Động từ chỉ sự vận động di chuyển trong thơ Tố Hữu,* Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Vinh.

14. Ngô Thị Vĩnh Duy (2010). *Cảm hứng, hình ảnh, ngôn từ nghệ thuật trong thơ Trương Nam Hương,* Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

15.Nguyễn Tài Cẩn (1999). *Ngữ pháp tiếng Việt* (Tiếng - Từ ghép - Đoản ngữ), NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
16. Nguyễn Thị Thu Hà (2016). *Nhóm động từ chỉ hoạt động nhận thức trong tiếng Việt (Liên hệ với tiếng Anh)*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Huế.
17.Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cẩm Ly (đồng Chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4, tập1(Bộ sách Chân trời sáng tạo)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hồ Chí Minh.
18.Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cẩm Ly (đồng Chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4, tập 2(Bộ sách Chân trời sáng tạo)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hồ Chí Minh.
19.Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách Cánh diều)*, NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
20. Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4, tập 2 (Bộ sách Cánh diều)*, NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
21. Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) (2023). *Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 1(Bộ sách Cánh diều)*, NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
22. Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) (2023). *Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 2 (Bộ sách Cánh diều)*, NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
23. Phạm Thị Nụ (2021). *Đặc điểm thơ Phan Thị Thanh Nhàn*, Luận văn Thạc sĩ ngôn ngữ, văn hóa và văn học Việt Nam, Trường Đại học Thái Nguyên.
24. Phùng Thị Huyền (2015). *Sự chi phối của động từ trong tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ ngôn ngữ học, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
25. Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) (2023). *Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
26. Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) (2023). *Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 2*

(Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

27. Trịnh Cẩm Ly (Chủ biên) (2023). *Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 1(Bộ sách Chân trời sáng tạo)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hồ Chí Minh.

28. Trịnh Cẩm Ly (Chủ biên) (2023). *Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 2(Bộ sách Chân trời sáng tạo)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hồ Chí Minh.

II/ **Website**

29. Phim hoạt hình "Anh và em",< http://www.youtube.com /watch?v = VaQVv2izmpI>, xem 31/7/2024

30**.** Tập huấn Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 4 - Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống", <https://www.youtube.com/live/rq3YgHqMo_s>, xem 10/6/2024

31. Võ Xuân Hào, Huỳnh Lê Chi Hải (2020). Đặc điểm ngôn ngữ thơ Xuân Diệu và Xuân Quỳnh, <http://nguvan.hnue.edu.vn/Nghi%C3%AAnc% E1% BB % A9u/Ng % C3 %B4n -ng %E 1% BB % AF/p/ dac -diem- ngon -ngu - tho - xuan-dieu - va -xuan - quynh -741>, xem 31 /7/2024

KHẢO SÁT SỐ LƯỢNG ĐỘNG TỪ TRONG CÁC VĂN BẢN ĐỌC – HIỂU
SÁCH TIẾNG VIỆT 4- BỘ SÁCH " KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG"

1.Văn bản thơ

Stt	**Động từ**	**Vai trò của động từ**		**Stt/Tên văn bản/Tác giả/ Số lượng động từ trong văn bản**	**Chủ đề**								**Sách Tiếng Việt 4**		**Trang**
		1	2		1	2	3	4	5	6	7	8	T1	T2	
1	Thấy	x		1/Điều kì diệu/ Huỳnh Mai Liên/10	x								x		8
2	Ngân nga	x													
3	Thích	x													
4	Đứng	x													
5	Giận dỗi	x													
6	Thay đổi	x													
7	Nghĩ	x													
8	Phát hiện	x													
9	Hòa quyện	x													
10	Vang lừng	x													
11	Kể		x	2/Bầu trời trong quả trứng/ Xuân Quỳnh/ 15		x							x		39-40
12	Có		x												
13	Kêu		x												
14	Biết		x												
15	Tìm		x												
16	Đói		x												
17	Ngủ		x												
18	Hiểu		x												
19	Sinh		x												
20	Đạp		x												
21	Reo		x												
22	Thương yêu		x												

23	Ăn		x												
24	Xoải		x												
25	Phơi		x												
26	Tỉnh giấc		x	3/Gặt chữ trên non/Bích Ngọc/18		x							x		63
27	Nhuộm		x												
28	Rung		x												
29	Giục		x												
30	Bước	x													
31	Đưa		x												
32	La đà		x												
33	Đi	x													
34	Tìm	x													
35	Vượt	x													
36	Băng	x													
37	Có	x													
38	Gùi	x													
39	Rơi (xuống)		x												
40	Cho		x												
41	Bay (lên)		x												
42	Hát		x												
43	Gặt	x													
44	Nhuộm		x	4/Vẽ màu/Bảo Ngọc/17			x						x		77
45	Làm		x												
46	Treo		x												
47	Thả		x												
48	Xuống		x												
49	Mang theo		x												

50	Cho		x												
51	Tặng		x												
52	Biết	x													
53	Nói	x													
54	Vẽ	x													
55	Thắp		x												
56	Lên		x												
57	Nhìn	x													
58	Kể	x													
59	Tô	x													
60	Rơi		x												
61	Mơ	x		5/Bốn mùa mơ ước/Nguyễn Lãm Thắng/12				x					x		122
62	Gọi		x												
63	Về		x												
64	Hòa		x												
65	Bay (đi)		x												
66	Đem		x												
67	Vui		x												
68	Xua		x												
69	Tan		x												
70	Yêu	x													
71	Bay (về)		x												
72	Còn	x													
73	Có	x		6/Nếu chúng mình có phép lạ/ Định Hải/15				x					x		132
74	Bắt	x													
75	Nảy		x												
76	Chớp		x												

77	Thành		x												
78	Hái	x													
79	Chén	x													
80	Ngủ dậy	x													
81	Lặn (xuống)	x													
82	Ngồi	x													
83	Lái	x													
84	Xuống		x												
85	Đúc	x													
86	Còn		x												
87	Hóa	x													
88	Giữ	x		7/Quả ngọt cuối mùa/ Võ Thanh An/23					x					x	20
89	Đung đưa		x												
90	Dành	x													
91	Chờ	x													
92	Phần	x													
93	Trảy (vào)	x													
94	Nghe	x													
95	Chống	x													
96	Ra	x													
97	Trông	x													
98	Nom	x													
99	Ngắm	x													
100	Lo	x													
101	Táp		x												
102	Phòng	x													
103	Ăn		x												

104	Nằm	x													
105	Mải mê		x												
106	Góp		x												
107	Tỏa		x												
108	Thương	x													
109	Chín		x												
110	Thêm	x													
111	Làm		x	8/Tiếng ru/ Tố Hữu/17					x					x	28
112	Yêu		x												
113	Bơi		x												
114	Ca		x												
115	Muốn	x													
116	Sống	x													
117	Phải	x													
118	Chín		x												
119	Nên		x												
120	Tàn		x												
121	Bồi		x												
122	Chê		x												
123	Ngồi		x												
124	Đổ		x												
125	Còn		x												
126	Chắt chiu		x												
127	Ôm	x													
128	Nhớ	x		9/ Cảm xúc Trường Sa/ Huệ Triệu/21						x				x	44
129	Đến	x													
130	Ngờ	x													

131	Gặp	x													
132	Vỗ		x												
133	Đợi		x												
134	Nở		x												
135	Giữ		x												
136	Neo		x												
137	Muốn	x													
138	Gửi	x													
139	Xin	x													
140	Nguôi		x												
141	Giăng giăng		x												
142	Oằn		x												
143	Khát		x												
144	Kiêu hãnh		x												
145	Trìu mến	x													
146	Ngắm	x													
147	Trở thành		x												
148	Viết	x													
149	Vui	x		10/ Sáng tháng Năm/ Tố Hữu/12						x				x	48
150	Về	x													
151	Lên	x													
152	Thăm	x													
153	Kêu	x													
154	Đến	x													
155	Ngồi	x													
156	Viết	x													
157	Đi		x												

158	Tìm		x												
159	Ăn		x												
160	Nắm	x													
161	Hát	x		11/ Trong lời mẹ hát/ Trương Nam Hương/14						x				x	59
162	Chở		x												
163	Đưa	x													
164	Đi	x													
165	Gặp	x													
166	Yêu	x													
167	Cục tác		x												
168	Chạy (qua)		x												
169	Nôn nao	x													
170	Xuống	x													
171	Thêm	x													
172	Hiện		x												
173	Chắp		x												
174	Bay	x													
175	Rạp	x		12/Ngựa biên phòng/ Phan Thị Thanh Nhàn/ 15						x				x	67
176	Phi		x												
177	Bay		x												
178	Nổi		x												
179	Băm (xuống)		x												
180	Săn đuổi		x												
181	Vấp ngã		x												
182	Xong		x												
183	Trở về		x												
184	Bước đi		x												

185	Đi		x												
186	Vỗ về	x													
187	Phơi	x													
188	Đem	x													
189	Tặng	x													
190	Giăng		x	13/Bước mùa xuân/ Nguyễn Bao/19							x			x	85
191	Uốn		x												
192	Theo		x												
193	Rải		x												
194	Xòe		x												
195	Hứng		x												
196	Gọi		x												
197	Vươn		x												
198	Hắng giọng		x												
199	Chuyền		x												
200	Vui		x												
201	Nghe		x												
202	Reo cười		x												
203	Rung		x												
204	Đơm		x												
205	Nói		x												
206	Thầm thì		x												
207	Gặp		x												
208	Đi		x												
209	Đi	x		14/ Đi hội chùa Hương/ Chu Huy/16							x			x	89-90
210	Về	x													
211	Trẩy hội	x													

212	Thay		x												
213	Đón mời		x												
214	Thành		x												
215	Bước	x													
216	Đợi chờ	x													
217	Bồi hồi	x													
218	Lẫn		x												
219	Vương		x												
220	Vang		x												
221	Ngân		x												
222	Lễ	x													
223	Thăm	x													
224	Yêu thương	x													
225	Gửi	x		15/ Cái cầu/ Phạm Tiến Duật/16							x			x	102
226	Bắc	x													
227	Qua	x													
228	Nói	x													
229	Cho	x													
230	Xem	x													
231	Yêu	x													
232	Sang		x												
233	Ru		x												
234	Qua lại	x													
235	Chở		x												
236	Đi		x												
237	Đãi	x													
238	Chụp		x												

239	Bảo	x													
240	Gọi	x													
241	Dồn		x	16/Ngày hội/ Định Hải/8								x		x	131
242	Tụ	x													
243	Về	x													
244	Thu		x												
245	Tới	x													
246	Sang	x													
247	Tung	x													
248	Nhắn	x													

2. Văn bản văn xuôi (văn bản tự sự, văn bản miêu tả)

Stt	**Động từ**	**Vai trò của động từ**		**Stt/Tên văn bản/Tác giả/ Số lượng động từ trong văn bản**	**Chủ đề**								**Sách Tiếng Việt 4**		**Trang**
		1	2		1	2	3	4	5	6	7	8	T1	T2	
1	Thi		x	1/Thi nhạc/ Nguyễn Phan Hách/40	x								x		12-13
2	Được		x												
3	Mời		x												
4	Trình bày		x												
5	Mặc		x												
6	Lấp lánh		x												
7	Biểu diễn		x												
8	Tràn ngập		x												
9	Gợi		x												
10	Xúc động		x												
11	Cúi (xuống)		x												
12	Ghi		x												

13	Bước (lên)		x												
14	Kiêu hãnh		x												
15	Ngẩng		x												
16	Mở đầu		x												
17	Thấy		x												
18	Lên		x												
19	Trở nên		x												
20	Sử dụng		x												
21	Đến		x												
22	Bước (ra)		x												
23	Xoay		x												
24	Rơi rơi		x												
25	Thầm thì		x												
26	Vang		x												
27	Chuyển sang		x												
28	Rạo rực		x												
29	Rơi		x												
30	Bật		x												
31	Rộ lên		x												
32	Khoe		x												
33	Đứng dậy		x												
34	Im lặng		x												
35	Hồi hộp		x												
36	Vui		x												
37	Tạo dựng		x												
38	Bắt chước		x												
39	Cảm ơn		x												

40	Cho		x												
41	Sinh	x		2/Anh em sinh đôi/ Châu Khuê/42	x								x		16-17
42	Đúc	x													
43	Thấy	x													
44	Nhận	x													
45	Còn	x													
46	Bị	x													
47	Gọi	x													
48	Muốn	x													
49	Kêu	x													
50	Cố gắng	x													
51	Làm	x													
52	Bận tâm	x													
53	Tham gia	x													
54	Lo lắng	x													
55	Mặc	x													
56	Đội	x													
57	Cổ vũ	x													
58	Nhầm	x													
59	Thi đấu	x													
60	Nhầm lẫn	x													
61	Đuổi theo	x													
62	Dẫn đầu	x													
63	Gọi	x													
64	Thay thế	x													
65	Nhăn nhó	x													
66	Kết thúc	x													

67	Ngập tràn	x													
68	Về	x													
69	Hỏi	x													
70	Cười	x													
71	Chen (vào)	x													
72	Thắc mắc	x													
73	Nhìn	x													
74	Tưởng	x													
75	Giả vờ	x													
76	Trêu	x													
77	Lên tiếng	x													
78	Cần	x													
79	Phạt	x													
80	Tan biến	x													
81	Phá lên	x													
82	Hiểu	x													
83	Thông báo	x		3/Công chúa và người dẫn chuyện/ Du-nan/38	x								x		20-21
84	Được	x													
85	Chọn	x													
86	Đóng	x													
87	Ngưỡng mộ	x													
88	Vui	x													
89	Về	x													
90	Hào hứng	x													
91	Kể	x													
92	Nghe	x													
93	Tập	x													

94	Luyện tập	x													
95	Nhớ	x													
96	Lên	x													
97	Diễn	x													
98	Bay (đi)		x												
99	Đành	x													
100	Nói	x													
101	Bổ sung	x													
102	Nghĩ	x													
103	Đồng ý	x													
104	Đổi	x													
105	Buồn	x													
106	Phải	x													
107	Nhường	x													
108	Thủ thỉ	x													
109	Nhổ	x													
110	Vào		x												
111	Khoác		x												
112	Có		x												
113	Chạm	x													
114	Thích	x													
115	Mỉm cười	x													
116	Thành	x													
117	Đoán	x													
118	Biết	x													
119	Thay	x													
120	Thành công	x													

121	Bò		x	4/Thằn lằn xanh và tắc kè/Sâng Lê-kha-na/32	x								x		23-24
122	Phát hiện		x												
123	Nghĩ		x												
124	Cất		x												
125	Chào		x												
126	Thích		x												
127	Đi		x												
128	Kiếm		x												
129	Đáp		x												
130	Cảm thấy		x												
131	Thích thú		x												
132	Nói		x												
133	Thử		x												
134	Đổi		x												
135	Nghĩ		x												
136	Chán		x												
137	Muốn		x												
138	Kiếm ăn		x												
139	Tìm		x												
140	Thấy		x												
141	Vui		x												
142	Nhận		x												
143	Bám dính		x												
144	Không thể		x												
145	Đói		x												
146	Chịu		x												
147	Quyết định		x												

148	Trở về		x												
149	Trở lại		x												
150	Vui vẻ		x												
151	Gặp		x												
152	Trò chuyện		x												
153	Sống	x		5/Nghệ sĩ trống/Truyện kể hằng đêm dành cho các cô bé cá tính/40	x								x		26-27
154	Ngập tràn	x													
155	Mơ ước	x													
156	Quy ước	x													
157	Được	x													
158	Chơi	x													
159	Thấy	x													
160	Tập	x													
161	Hét	x													
162	Về	x													
163	Dành	x													
164	Từ bỏ	x													
165	Đam mê	x													
166	Lắng nghe	x													
167	Đu đưa		x												
168	Vỗ		x												
169	Phát ra		x												
170	Chụm	x													
171	Nhảy	x													
172	Buông (xuống)		x												
173	Ngồi	x													
174	Không thể	x													

175	Trở thành	x													
176	Hỏi	x													
177	Xô		x												
178	Thuyết phục	x													
179	Cho	x													
180	Nhận	x													
181	Tham gia	x													
182	Bắt đầu	x													
183	Dạy	x													
184	Được	x													
185	Nghĩ	x													
186	Thành lập	x													
187	Nhảy	x													
188	Gia nhập	x													
189	Nghe	x													
190	Muốn	x													
191	Nhún nhẩy	x													
192	Cố gắng	x													
193	Vẽ	x		6/Những bức chân dung/Ni-cô-lai Nô-xốp/26	x								x		30-31
194	Được	x													
195	Đến	x													
196	Gặp	x													
197	Đề nghị	x													
198	Chuẩn bị	x													
199	Nói	x													
200	Nhớ	x													
201	Muốn	x													

202	Thuyết phục	x													
203	Đồng ý	x													
204	Bắt đầu	x													
205	Đứng dậy	x													
206	Xem	x													
207	Nài nỉ	x													
208	Kéo	x													
209	Có	x													
210	Đặt	x													
211	Giải thích	x													
212	Có thể	x													
213	Vui	x													
214	Xếp	x													
215	Thấy	x													
216	Nhận	x													
217	Hiểu	x													
218	Thể hiện	x													
219	Vang lên	x		7/Đò ngang/ Võ Quảng/43	x								x		34-35
220	Tỉnh giấc		x												
221	Quay		x												
222	Sang		x												
223	Đón		x												
224	Lo		x												
225	Đưa		x												
226	Nhìn thấy		x												
227	Đi qua		x												
228	Giương		x												

229	Lướt		x												
230	Cất		x												
231	Tung bay		x												
232	Đến		x												
233	Có		x												
234	Học hỏi		x												
235	Lớn lên		x												
236	Nghĩ		x												
237	Cảm thấy		x												
238	Muốn		x												
239	Vứt bỏ		x												
240	Được		x												
241	Nằm nghỉ		x												
242	Ghé (đến)		x												
243	Reo		x												
244	Chào		x												
245	Ghé (lại)		x												
246	Ghé		x												
247	Giúp		x												
248	Thêm		x												
249	Hiểu biết		x												
250	Mong		x												
251	Nghĩ ngợi		x												
252	Nói		x												
253	Gặp		x												
254	Đổ về		x												
255	Thấy		x												

256	Đăm chiêu		x												
257	Quý mến	x													
258	Nối lại		x												
259	Cập		x												
260	Ùa ra	x													
261	Reo mừng	x													
262	Ở	x		8/Tiếng nói của cỏ cây/ Ben -la Đi –giua/37		x							x		44-45
263	Được	x													
264	Chạy nhảy	x													
265	Thấy	x													
266	Bứng	x													
267	Trồng	x													
268	Ngắm nghía	x													
269	Cảm thấy	x													
270	Hài lòng	x													
271	Đến	x													
272	Chọn	x													
273	Đem	x													
274	Có		x												
275	Làm		x												
276	Ló rạng		x												
277	Được		x												
278	Tắm gội		x												
279	Vui sướng		x												
280	Chào đón		x												
281	Nở		x												
282	Chuyển	x													

283	Phủ		x												
284	Đi (qua)	x													
285	Trông thấy	x													
286	Hỏi	x													
287	Chỉ	x													
288	Sống		x												
289	Nghĩ	x													
290	Biến đổi		x												
291	Bị		x												
292	Tranh		x												
293	Mở		x												
294	Xen		x												
295	Nói		x												
296	Làm		x												
297	Cảm ơn		x												
298	Cất		x												
299	Cho	x		9/ Tập làm văn/ Trần Quốc Toàn/50		x							x		48-49
300	Về	x													
301	Tìm	x													
302	Tả	x													
303	Ngồi	x													
304	Viết	x													
305	Gặp	x													
306	Trồng	x													
307	Sập		x												
308	Trông	x													
309	Đành	x													

310	Để	x													
311	Còn		x												
312	Giật mình		x												
313	Rung rinh		x												
314	Rơi xuống		x												
315	Lã chã		x												
316	Xòe		x												
317	Viền		x												
318	Tụt		x												
319	Xuống		x												
320	Đi		x												
321	Núp		x												
322	Tới		x												
323	Định	x													
324	Chạy (lại)	x													
325	Đọc	x													
326	Gợi ý	x													
327	Đánh rơi	x													
328	Cúi (xuống)	x													
329	Nhặt	x													
330	Bị	x													
331	Cào		x												
332	Có		x												
333	Quên	x													
334	Xuýt xoa	x													
335	Nghĩ	x													
336	Nhể	x													

337	Giữ		x												
338	Có thể	x													
339	Kết luận	x													
340	Chăm sóc	x													
341	Bảo vệ	x													
342	Vào	x													
343	Lấy	x													
344	Múc	x													
345	Bước	x													
346	Té	x													
347	Đung đưa		x												
348	Rắc lên		x												
349	Sinh	x		10/ Nhà phát minh sáu tuổi/ 33		x							x		51
350	Có	x													
351	Thích	x													
352	Quan sát	x													
353	Tổ chức	x													
354	Nhận thấy	x													
355	Bưng	x													
356	Đựng		x												
357	Trượt		x												
358	Rớt (ra)		x												
359	Dừng		x												
360	Chuyển động		x												
361	Bị		x												
362	Ngăn		x												
363	Nghĩ	x													

364	Hiểu	x													
365	Rời khỏi	x													
366	Vào	x													
367	Lấy	x													
368	Làm	x													
369	Thí nghiệm	x													
370	Có		x												
371	Đứng		x												
372	Thấy	x													
373	Nói	x													
374	Phát hiện	x													
375	Vui mừng	x													
376	Nâng	x													
377	Lên	x													
378	Đi	x													
379	Trở thành	x													
380	Được	x													
381	Tặng	x													
382	Xuất hiện		x	11/ Con vẹt xanh/Lý Lam/58		x							x		55-56
383	Bị thương		x												
384	Thương	x													
385	Chăm sóc	x													
386	Bảo	x													
387	Có thể		x												
388	Bắt chước		x												
389	Được	x													
390	Nghe	x													

391	Nói		x												
392	Đi học	x													
393	Về	x													
394	Chạy (đến)	x													
395	Nhận		x												
396	Nhảy nhót		x												
397	Há		x												
398	Đòi		x												
399	Ăn		x												
400	Cho	x													
401	Nựng	x													
402	Xù		x												
403	Rụt		x												
404	Gù		x												
405	Xuýt xoa	x													
406	Gọi	x													
407	Phụng phịu	x													
408	Trả lời	x													
409	Ra	x													
410	Phụ	x													
411	Đi	x													
412	Lẩm bẩm	x													
413	Kêu	x													
414	Chơi	x													
415	Lớn		x												
416	Biết		x												
417	Huýt sáo		x												

418	Gắt lại		x												
419	Nhảy	x													
420	Reo hò	x													
421	Khoe	x													
422	Tới	x													
423	Hãnh diện	x													
424	Đáp		x												
425	Ngạc nhiên	x													
426	Thích thú	x													
427	Cười	x													
428	Vờ	x													
429	Cười bò	x													
430	Tranh	x													
431	Sửng sốt	x													
432	Ngồi	x													
433	Lặng thinh	x													
434	Về	x													
435	Nhớ	x													
436	Cằn nhằn	x													
437	Hối hận	x													
438	Mong	x													
439	Nhìn	x													
440	Sống		x	12/ Chân trời cuối phố/ Trần Đức Tiến/38		x							x		59-60
441	Nhìn thấy		x												
442	Đi		x												
443	Định		x												
444	Ra		x												

445	Nhắc	x													
446	Vào	x													
447	Nằm		x												
448	Cuộn		x												
449	Nghĩ		x												
450	Có		x												
451	Chuyển thành		x												
452	Bực		x												
453	Ngẩng		x												
454	Sủa		x												
455	Tưởng	x													
456	Nhìn	x													
457	Rụng		x												
458	Quay quay		x												
459	Mở	x													
460	Mừng rỡ		x												
461	Nhảy (xuống)		x												
462	Chạy		x												
463	Phóng		x												
464	Qua		x												
465	Ùa đến		x												
466	Dừng lại		x												
467	Ngẩng (lên)		x												
468	Òa		x												
469	Bắt đầu		x												
470	Trôi (ra)		x												
471	Đứng		x												

472	Ngó		x												
473	Hiểu		x												
474	Nổi		x												
475	Mở (ra)		x												
476	Chờ		x												
477	Lớn		x												
478	Quyết định	x		13/ Trước ngày xa quê/Kao Sơn/48		x							x		66-67
479	Cho	x													
480	Lên	x													
481	Học	x													
482	Nghe	x													
483	Nói	x													
484	Òa khóc	x													
485	Bị	x													
486	Muốn	x													
487	Đi	x													
488	Phải	x													
489	Chuẩn bị	x													
490	Lên đường	x													
491	Đến chơi	x													
492	Tiễn	x													
493	Cười đùa	x													
494	Ăn	x													
495	Ngồi	x													
496	Nói chuyện	x													
497	Nhắc (lại)	x													
498	Hỏi	x													

499	Đến	x													
500	Biết	x													
501	Có	x													
502	Phóng		x												
503	Vun vút		x												
504	Giấu		x												
505	Chín		x												
506	Ứa (ra)		x												
507	Thích	x													
508	Được	x													
509	Ở	x													
510	Đoán	x													
511	Đến	x													
512	Lau	x													
513	Xoa	x													
514	Cúi (xuống)	x													
515	Nắm	x													
516	Nghỉ hè	x													
517	Được	x													
518	Về	x													
519	Chơi	x													
520	Chia tay	x													
521	Kéo	x													
522	Nhắc	x													
523	Đội	x													
524	Phải	x													
525	Lớn	x													

526	Nở		x	14/ Đồng cỏ nở hoa/ Ma Văn Kháng/26		x							x		81-82
527	Có	x													
528	Phát hiện	x													
529	Thấy	x													
530	Học	x													
531	Mê	x													
532	Vẽ	x													
533	Thở	x													
534	Nhìn	x													
535	Nghe	x													
536	Chú ý	x													
537	Lẫn	x													
538	Đưa	x													
539	Xem	x													
540	Hỏi	x													
541	Tặc tặc	x													
542	Trầm trồ	x													
543	Đến	x													
544	Nói	x													
545	Giấu	x													
546	Trố	x													
547	Chỉ	x													
548	Bú		x												
549	Đứng		x												
550	Giờ hồn		x												
551	Quay		x												
552	Lên	x		15/ Thanh âm của		x							x		85-86

553	Được	x		núi/ Hà Phong/36											
554	Nghe	x													
555	Thấy	x													
556	Nhớ	x													
557	Thương	x													
558	Vấn vương	x													
559	Có thể		x												
560	Làm		x												
561	Đắm say		x												
562	Chế tác	x													
563	Tượng trưng		x												
564	Tụ hợp	x													
565	Xếp		x												
566	Nhìn	x													
567	Tưởng tượng	x													
568	Thêm	x													
569	Trôi		x												
570	Chở		x												
571	Chảy		x												
572	Đến		x												
573	Gắn bó		x												
574	Xuống	x													
575	Hòa	x													
576	Reo vang		x												
577	Náo nức		x												
578	Về	x													
579	Trở thành		x												

580	Truyền		x												
581	Gặp	x													
582	Thổi	x													
583	In	x													
584	Vút		x												
585	Chìm khuất		x												
586	Khát khao		x												
587	Dạt dào		x												
588	Đi (ra)	x		16/Bầu trời mùa thu/ Xu-khôm-lin-xki/27		x							x		89-90
589	Nói	x													
590	Nhìn	x													
591	Suy nghĩ	x													
592	Chọn	x													
593	Mệt mỏi		x												
594	Hỏi		x												
595	Dạo chơi		x												
596	Đứng		x												
597	Được		x												
598	Rửa		x												
599	Thấy	x													
600	Đăm chiêu	x													
601	Im lặng	x													
602	Tìm	x													
603	Mỉm cười	x													
604	Trôi		x												
605	Nhớ		x												
606	Ghé		x												

607	Có		x												
608	Bay liệng		x												
609	Cúi (xuống)		x												
610	Lắng nghe		x												
611	Xem		x												
612	Ở		x												
613	Hào hứng	x													
614	Tưởng tượng	x													
615	Chống	x		17/Bức tường có nhiều phép lạ/ Phong Thu/39		x							x		97-98
616	Tì	x													
617	Nhìn	x													
618	Hiện	x													
619	Đọc nhẩm	x													
620	Tả	x													
621	Thở dài	x													
622	Yêu cầu		x												
623	Nghĩ	x													
624	Viết	x													
625	Ngồi (vào)	x													
626	Cầm	x													
627	Quên	x													
628	Ăn	x													
629	Có		x												
630	Bảo		x												
631	Làm		x												
632	Vào	x													
633	Chạy (lại)	x													

634	Thấy	x													
635	Hiểu	x													
636	Tủm tỉm	x													
637	Nghịch	x													
638	Nhoẻn	x													
639	Cười	x													
640	Gặp	x													
641	Đi cấy	x													
642	Về	x													
643	Chớp	x													
644	Thả	x													
645	Chạy		x												
646	Ngơ ngác	x													
647	Biết	x													
648	Trôi		x												
649	Đi cày	x													
650	Đan		x												
651	Rơi (xuống)		x												
652	Cắm cúi	x													
653	Ngẩng (lên)	x													
654	Soạn	x		18/Bét-tô-ven và bản Xô -nát ánh trăng/35			x						x		101-102
655	Sáng tác	x													
656	Có	x													
657	Tương truyền	x													
658	Đến	x													
659	Bắc (qua)		x												
660	Đứng	x													

661	Ngắm	x													
662	Lấp lánh		x												
663	Nghe	x													
664	Văng vẳng		x												
665	Đưa		x												
666	Đến	x													
667	Bắt gặp	x													
668	Ngồi	x													
669	Chơi	x													
670	Thấy	x													
671	Chia sẻ	x													
672	Được	x													
673	Ngắm nhìn	x													
674	Buồn	x													
675	Có thể	x													
676	Giúp	x													
677	Thực hiện	x													
678	Ước mơ	x													
679	Xúc động	x													
680	Dành	x													
681	Ngồi (xuống)	x													
682	Bắt đầu	x													
683	Chơi	x													
684	Vang lên		x												
685	Còn	x													
686	Tràn ngập		x												
687	Đùa giỡn	x													

688	Ra đời		x												
689	Tìm	x		19/ Người tìm đường lên các vì sao/ Lê Nguyên Long, Phạm Ngọc Toàn/37			x						x		105-106
690	Lên	x													
691	Mơ ước	x													
692	Được	x													
693	Bay (lên)	x													
694	Nhảy (qua)	x													
695	Bay	x													
696	Bị	x													
697	Ngã	x													
698	Gãy	x													
699	Làm	x													
700	Nảy	x													
701	Có		x												
702	Tìm hiểu	x													
703	Đọc	x													
704	Nghĩ	x													
705	Hì hục	x													
706	Thí nghiệm	x													
707	Hỏi	x													
708	Mua	x													
709	Cười	x													
710	Tiết kiệm	x													
711	Ăn	x													
712	Tìm	x													
713	Chế tạo	x													
714	Tin	x													

715	Ủng hộ	x													
716	Đi	x													
717	Gợi ý	x													
718	Đề xuất	x													
719	Trở thành	x													
720	Nghiên cứu	x													
721	Tìm tòi	x													
722	Thực hiện	x													
723	Tâm niệm	x													
724	Tôn thờ	x													
725	Chinh phục	x													
726	Bay	x		20/Bay cùng ước mơ/ Văn Thành Lê/38				x					x		109-110
727	Đuổi bắt	x													
728	Nằm lăn	x													
729	Nhìn	x													
730	Ôm		x												
731	Phủ		x												
732	Nở		x												
733	Làm		x												
734	Gắn		x												
735	Chỉ	x													
736	Ước	x													
737	Được	x													
738	Ngủ mơ	x													
739	Cười	x													
740	Ước mơ	x													
741	Cần	x													

742	Ngủ	x													
743	Mở	x													
744	Mơ	x													
745	Kể	x													
746	Đọc	x													
747	Gửi	x													
748	Chăm sóc	x													
749	Thành	x													
750	Ngồi	x													
751	Đi lại	x													
752	Nhảy dù	x													
753	Bảo	x													
754	Lái	x													
755	Nói	x													
756	Vẽ	x													
757	Từ bỏ	x													
758	Thay đổi	x													
759	Nấp	x													
760	Đi ngủ	x													
761	Chao liệng	x													
762	Bám	x													
763	Làm	x													
764	Có	x		21/ Con trai người làm vườn/ Lô Trân Trân/43				x					x		114-115
765	Yêu	x													
766	Biết	x													
767	Nói	x													
768	Muốn	x													

769	Trở thành	x													
770	Mong	x													
771	Kế thừa	x													
772	Đưa	x													
773	Ra	x													
774	Giảng giải	x													
775	Thấy	x													
776	Chú ý	x													
777	Nghe	x													
778	Hỏi	x													
779	Nghĩ	x													
780	Trông	x													
781	Hướng	x													
782	Chất chứa	x													
783	Thích	x													
784	Tìm	x													
785	Giới thiệu		x												
786	Cắt	x													
787	Dán	x													
788	Mở	x													
789	Nhìn thấy	x													
790	Trôi (qua)	x													
791	Tiếp quản	x													
792	Giữ	x													
793	Tạm biệt	x													
794	Lên đường	x													
795	Lên	x													

796	Gặp	x													
797	Hướng dẫn	x													
798	Đối phó	x													
799	Chiến thắng	x													
800	Nể phục	x													
801	Trở về	x													
802	Thăm	x													
803	Nhìn	x													
804	Cảm động	x													
805	Rơi	x													
806	Chứng minh	x													
807	Có	x		22/Nếu em có một khu vườn/ Trương Huỳnh Như Trân/35				x					x		118
808	Trồng	x													
809	Hái	x													
810	Làm	x													
811	Chia	x													
812	Thành		x												
813	Chạy	x													
814	Thổi		x												
815	Xoay		x												
816	Xâu	x													
817	Đội (lên)	x													
818	Hóa thành	x													
819	Quét	x													
820	Ngủ dậy	x													
821	Dẫn	x													
822	Ra	x													

823	Ngồi chơi	x													
824	Nấu	x													
825	Ăn	x													
826	Ngán	x													
827	Nở		x												
828	Về		x												
829	Thoang thoảng		x												
830	Hòa lẫn		x												
831	Dành	x													
832	Bay về		x												
833	Nhao nhác		x												
834	Khiến	x													
835	Tỉnh	x													
836	Nhảy nhót		x												
837	Nhú		x												
838	Chuyển(ra)	x													
839	Dạy	x													
840	Thôi	x													
841	Mơ ước	x													
842	Có	x		23/ Cánh chim nhỏ/ Thanh Thủy dịch/46				x					x		129-130
843	Mơ ước	x													
844	Được	x													
845	Bay	x													
846	Nhìn	x													
847	Chao liệng		x												
848	Nghĩ	x													
849	Không thể	x													

850	Đến	x													
851	Gặp	x													
852	Ngồi	x													
853	Nghịch	x													
854	Làm quen	x													
855	Hỏi	x													
856	Muốn	x													
857	Biết	x													
858	Đi	x													
859	Chạy	x													
860	Mỉm cười	x													
861	Đáp	x													
862	Bị	x													
863	Chia sẻ	x													
864	Nói	x													
865	Xây	x													
866	Cười	x													
867	Phải	x													
868	Về	x													
869	Thầm thì	x													
870	Đồng ý	x													
871	Bảo	x													
872	Giúp	x													
873	Làm	x													
874	Dứt	x													
875	Xoay	x													
876	Cõng	x													

877	Ôm ghì	x													
878	Tiếp	x													
879	Bắt đầu	x													
880	Tạt	x													
881	Đứng	x													
882	Lặng	x													
883	Nhìn theo	x													
884	Rưng rưng	x													
885	Dang	x													
886	Vung vẩy	x													
887	Hét	x													
888	Được	x		24/ Anh Ba/ Trần Dân Tiên/27				x					x		135-136
889	Đưa đến	x													
890	Xem	x													
891	Thấy	x													
892	Hỏi	x													
893	Yêu	x													
894	Đáp	x													
895	Có thể	x													
896	Giữ	x													
897	Muốn	x													
898	Đi ra	x													
899	Làm	x													
900	Trở về	x													
901	Giúp	x													
902	Đi	x													
903	Có	x													

904	Lấy	x													
905	Giơ	x													
906	Làm việc	x													
907	Sống	x													
908	Bị	x													
909	Lôi cuốn	x													
910	Đồng ý	x													
911	Suy nghĩ	x													
912	Biết	x													
913	Tìm	x													
914	Cứu	x													
915	Có		x	25/ Vệt phấn trên mặt bàn/ Nguyễn Thị Kim Hòa/ 42					x					x	12-13
916	Là		x												
917	Xếp	x													
918	Ngồi	x													
919	Tò mò	x													
920	Ngó	x													
921	Định	x													
922	Làm quen	x													
923	Làm	x													
924	Bực mình	x													
925	Bặm	x													
926	Nắn nót	x													
927	Đụng		x												
928	Đánh		x												
929	Nhảy		x												
930	Rớt		x												

931	Viết	x													
932	Kêu lên	x													
933	Xê (ra)	x													
934	Lấy	x													
935	Kẻ	x													
936	Chia	x													
937	Được	x													
938	Thò (qua)	x													
939	Nhìn	x													
940	Buồn	x													
941	Tồn tại		x												
942	Vào		x												
943	Thấy	x													
944	Xuất hiện	x													
945	Phải	x													
946	Nói	x													
947	Hi vọng	x													
948	Chữa	x													
949	Nhớ	x													
950	Giấu	x													
951	Vạch	x													
952	Ân hận	x													
953	Mím	x													
954	Đè	x													
955	Xóa	x													
956	Về	x													
957	Đến	x		26/ Ông Bụt đã					x					x	16-17

958	Thuê	x		đến/ Võ Thu Hương/50										
959	Nằm		x											
960	Dựa		x											
961	Có		x											
962	Đặt		x											
963	Thích	x												
964	Ra	x												
965	Giúp	x												
966	Ngắm nghía	x												
967	Xem	x												
968	Hồi hộp	x												
969	Chờ	x												
970	Nở		x											
971	Bung xòe		x											
972	Rung rinh		x											
973	Mời gọi		x											
974	Sững	x												
975	Thấy	x												
976	Sà	x												
977	Đưa	x												
978	Nâng niu	x												
979	Ve vuốt	x												
980	Bị		x											
981	Gãy		x											
982	Đập	x												
983	Nghe	x												
984	Thảng thốt	x												

985	Ngắt	x													
986	Òa khóc	x													
987	Thở dài	x													
988	Biết	x													
989	Yêu	x													
990	Qua	x													
991	Xin lỗi	x													
992	Đứng	x													
993	Lẩm nhẩm	x													
994	Nghĩ	x													
995	Thì thầm	x													
996	Cứu	x													
997	Gõ	x													
998	Mở		x												
999	Ngạc nhiên	x													
1000	Nhìn thấy	x													
1001	Bung nở		x												
1002	Kêu lên	x													
1003	Ngân vang		x												
1004	Viết	x													
1005	Mua	x													
1006	Thay	x													
1007	Phải	x		27/ Tờ báo tường của tôi/ Nguyễn Luân/51					x					x	24-25
1008	Xuống	x													
1009	Bàn	x													
1010	Đón	x													
1011	Đến		x												

1012	Đi (qua)	x													
1013	Khựng	x													
1014	Hét	x													
1015	Có	x													
1016	Nằm	x													
1017	Bị	x													
1018	Kêu	x													
1019	Gọi	x													
1020	Cứu	x													
1021	Đứng	x													
1022	Đập	x													
1023	Cố	x													
1024	Trấn tĩnh	x													
1025	Đáp	x													
1026	Đợi	x													
1027	Nghĩ	x													
1028	Chạy theo	x													
1029	Bắt đầu		x												
1030	Ngớt		x												
1031	Thổi		x												
1032	Đau		x												
1033	Giẫm (lên)	x													
1034	Cố	x													
1035	Hiện		x												
1036	Đứng gác	x													
1037	Cất	x													
1038	Hỏi	x													

1039	Thấy	x													
1040	Tới	x													
1041	Báo	x													
1042	Nhìn	x													
1043	Đoán	x													
1044	Nhấc	x													
1045	Lên	x													
1046	Liên lạc	x													
1047	Tuần tra	x													
1048	Thông báo	x													
1049	Vỗ	x													
1050	Cười	x													
1051	Bảo	x													
1052	Hi vọng	x													
1053	Gặp	x													
1054	Lan đi		x												
1055	Vui	x													
1056	Tìm	x													
1057	Yêu thương	x													
1058	Muốn	x		28/ Con muốn làm một cái cây/ Võ Thu Hương/37					x					x	31-32
1059	Làm	x													
1060	Trồng	x													
1061	Có	x													
1062	Kể	x													
1063	Mang	x													
1064	Nghĩ	x													
1065	Thích	x													

1066	Biết	x													
1067	Bắt	x													
1068	Bấm	x													
1069	Chín		x												
1070	Tỏa		x												
1071	Túm tụm	x													
1072	Chia	x													
1073	Bắc	x													
1074	Ra	x													
1075	Ngồi	x													
1076	Nghe	x													
1077	Nheo nheo	x													
1078	Nhìn	x													
1079	Vui chơi	x													
1080	Xa	x													
1081	Nhớ	x													
1082	Thấy	x													
1083	Cười	x													
1084	Viết	x													
1085	Nói	x													
1086	Ước mơ		x												
1087	Bàn	x													
1088	Mời	x													
1089	Đến chơi	x													
1090	Trèo hái	x													
1091	Vui	x													
1092	Nghe thấy	x													

1093	Chọc ghẹo	x													
1094	Trôi theo	x													
1095	Có		x	29/ Trên khóm tre đầu ngõ/ Vũ Hùng/56					x					x	35-36
1096	Bay (đến)		x												
1097	Đỗ		x												
1098	Đu đưa		x												
1099	Làm		x												
1100	Phải		x												
1101	Rướn		x												
1102	Vỗ		x												
1103	Lấy		x												
1104	Thấy		x												
1105	Nghe thấy	x													
1106	Kêu		x												
1107	Ra	x													
1108	Đứng	x													
1109	Thương	x													
1110	Đòi		x												
1111	Ăn		x												
1112	Chập chờn		x												
1113	Quơ quơ		x												
1114	Há		x												
1115	Nổi		x												
1116	Tạt		x												
1117	Run rẩy		x												
1118	Trông		x												
1119	Ào		x												

1120	Bị		x												
1121	Hất (lên)		x												
1122	Ngã nhào		x												
1123	Muốn		x												
1124	Lao (xuống)		x												
1125	Cứu		x												
1126	Đành		x												
1127	Bám		x												
1128	Quác quác		x												
1129	Tan		x												
1130	Nhìn thấy	x													
1131	Nằm		x												
1132	Run run		x												
1133	Bảo	x													
1134	Có thể	x													
1135	Nhặt	x													
1136	Về	x													
1137	Nuôi	x													
1138	Quen		x												
1139	Đi		x												
1140	Bắt		x												
1141	Trả	x													
1142	Gọi	x													
1143	Bắc	x													
1144	Đem	x													
1145	Đặt	x													
1146	Vào	x													

1147	Rủ		x												
1148	Thêm		x												
1149	Đến		x												
1150	Vui		x												
1151	Có		x	30/Sự tích Con Rồng cháu Tiên/ Nguyễn Đổng Chi/35						x				x	40 - 41
1152	Ở	x													
1153	Lên	x													
1154	Sống	x													
1155	Nghe	x													
1156	Tìm đến	x													
1157	Thăm	x													
1158	Gặp	x													
1159	Kết thành	x													
1160	Sinh	x													
1161	Nở	x													
1162	Lớn	x													
1163	Thổi	x													
1164	Bàn	x													
1165	Là	x													
1166	Đưa	x													
1167	Xuống	x													
1168	Chia	x													
1169	Cai quản	x													
1170	Giúp đỡ	x													
1171	Quên	x													
1172	Trở thành	x													
1173	Theo	x													

1174	Được	x	x												
1175	Làm	x													
1176	Tôn lên	x													
1177	Lấy	x													
1178	Đóng	x													
1179	Đặt	x													
1180	Gọi	x													
1181	Mất	x													
1182	Truyền		x												
1183	Nối		x												
1184	Thay đổi		x												
1185	Xưng	x													
1186	Là	x		31/ Chàng trai làng Phù Ủng/ Phan Sơn/46						x				x	51 - 52
1187	Sinh	x													
1188	Ngồi	x													
1189	Đan	x													
1190	Đưa	x													
1191	Đi	x													
1192	Tập trận	x													
1193	Qua	x													
1194	Dẹp	x													
1195	Mải mê	x													
1196	Biết	x													
1197	Tức giận	x													
1198	Lấy	x													
1199	Đâm	x													
1200	Chảy		x												

1201	Đi (qua)		x												
1202	Tỉnh	x													
1203	Đứng dậy	x													
1204	Vái chào	x													
1205	Hỏi	x													
1206	Bị	x													
1207	Thấy	x													
1208	Đau	x													
1209	Thưa	x													
1210	Nghĩ	x													
1211	Xá	x													
1212	Ứng đáp	x													
1213	Cảm mến	x													
1214	Sai	x													
1215	Đắp	x													
1216	Mời	x													
1217	Được	x													
1218	Khổ luyện	x													
1219	Bộc lộ		x												
1220	Trở thành	x													
1221	Lập	x													
1222	Chỉ huy	x													
1223	Đánh	x													
1224	Tan	x													
1225	Khiến	x													
1226	Khiếp sợ	x													
1227	Khâm phục	x													

1228	Gọi	x													
1229	Giao	x													
1230	Giành	x													
1231	Chiến thắng	x													
1232	Sinh	x		32/ Vườn của ông tôi/ Phong Thu/42						x				x	55 - 56
1233	Sống	x													
1234	Về	x													
1235	Được	x													
1236	Dẫn (ra)	x													
1237	Thăm	x													
1238	Đến	x													
1239	Chỉ (vào)	x													
1240	Mất	x													
1241	Ra_1		x												
1242	Trỏ	x													
1243	Đi	x													
1244	Ra_2	x													
1245	Xòa (xuống)		x												
1246	Kể	x													
1247	Trồng	x													
1248	Uốn	x													
1249	Ăn		x												
1250	Có		x												
1251	Đứng	x													
1252	Nhìn	x													
1253	Thêm	x													
1254	Lụi		x												

1255	Bảo	x													
1256	Nhớ	x													
1257	Mọc		x												
1258	Vào	x													
1259	Tự	x													
1260	Hình dung	x													
1261	Cặm cụi	x													
1262	Vun xới	x													
1263	Tưởng tượng	x													
1264	Không thể	x													
1265	Phai nhạt	x													
1266	Nở		x												
1267	Sang		x												
1268	Đơm		x												
1269	Làm	x													
1270	Đặt (lên)	x													
1271	Mời	x													
1272	Vui	x													
1273	Đỡ	x													
1274	Rủ	x		33/ Người thầy đầu tiên của bố tôi/A-mi-xi/46						x				x	63 - 64
1275	Đến	x													
1276	Thăm	x													
1277	Xuống	x													
1278	Hỏi thăm	x													
1279	Gõ	x													
1280	Ra	x													
1281	Mở	x													

1282	Chào	x													
1283	Nói	x													
1284	Bỏ	x													
1285	Xin lỗi	x													
1286	Học	x													
1287	Vào	x													
1288	Cúi	x													
1289	Suy nghĩ	x													
1290	Ngẩng (lên)	x													
1291	Đưa	x													
1292	Bước	x													
1293	Ôm hôn	x													
1294	Xin mời	x													
1295	Ngồi (xuống)	x													
1296	Nhìn	x													
1297	Nhớ	x													
1298	Bị	x													
1299	Ốm	x													
1300	Phải	x													
1301	Nghỉ	x													
1302	Trò chuyện	x													
1303	Đứng dậy	x													
1304	Dành	x													
1305	Lục tìm	x													
1306	Rút (ra)	x													
1307	Ngả	x													
1308	Nhận	x													

1309	Đọc	x													
1310	Mỉm cười	x													
1311	Cúi (xuống)	x													
1312	Hôn vào	x													
1313	Rưng rưng	x													
1314	Kính yêu	x													
1315	Xin	x													
1316	Cảm ơn	x													
1317	Lên	x													
1318	Gạt	x													
1319	Ôm	x													
1320	Nói	x		34/ Cây đa quê hương/ Nguyễn Khắc Viện/ 23							x			x	80 - 81
1321	Có		x												
1322	Mang		x												
1323	Gắn		x												
1324	Bắt tay	x													
1325	Ôm	x													
1326	Đậu		x												
1327	Nhìn	x													
1328	Nổi (lên)		x												
1329	Thành		x												
1330	Gảy (lên)		x												
1331	Tưởng chừng	x													
1332	Cười	x													
1333	Nói	x													
1334	Ra	x													
1335	Ngồi	x													

1336	Hóng	x													
1337	Gợn		x												
1338	Ộp oạp		x												
1339	Bắt đầu		x												
1340	Ra về		x												
1341	Kéo		x												
1342	Lan		x												
1343	Bắt đầu		x	35/ Chiều ngoại ô/ Nguyễn Thụy Kha/30							x			x	93 - 94
1344	Chìm (vào)		x												
1345	Đi dạo	x													
1346	Đón		x												
1347	Qua	x													
1348	Lên		x												
1349	Lấp lánh		x												
1350	Thì thầm		x												
1351	Chín		x												
1352	Vui đùa		x												
1353	Đuổi		x												
1354	Cất		x												
1355	Khiến		x												
1356	Phải	x													
1357	Ao ước	x													
1358	Có	x													
1359	Đưa		x												
1360	Được	x													
1361	Thả	x													
1362	Chen chúc		x												

1363	Đua		x												
1364	Bay (lên)		x												
1365	Vi vu		x												
1366	Ngồi	x													
1367	Cắm		x												
1368	Muốn	x													
1369	Gửi	x													
1370	Ước mơ	x													
1371	Theo	x													
1372	Lên	x													
1373	Có		x	36/Những cánh buồm/ Băng Sơn/28							x			x	98 - 99
1374	Chảy (qua)		x												
1375	Yêu	x													
1376	Đi		x												
1377	Rong chơi		x												
1378	Đẩy		x												
1379	Xuôi ngược		x												
1380	Gặp		x												
1381	Cuồn cuộn		x												
1382	Nổi		x												
1383	Phải		x												
1384	Ghé (vào)		x												
1385	Được		x												
1386	Hạ(xuống)		x												
1387	Cuộn		x												
1388	Nằm		x												
1389	Suy nghĩ		x												

1390	Ra sức		x												
1391	Gào thét		x												
1392	Tuôn		x												
1393	Trút		x												
1394	Nhìn thấy	x													
1395	Căng phồng		x												
1396	Đến		x												
1397	Về		x												
1398	Vượt (qua)		x												
1399	Sống		x												
1400	Vượt		x												
1401	Leo		x	37/ Đường đi Sa Pa/ Nguyễn Phan Hách/ 14							x			x	106 - 107
1402	Xuyên		x												
1403	Sà (xuống)		x												
1404	Bồng bềnh		x												
1405	Đi	x													
1406	Lim dim	x													
1407	Ngắm	x													
1408	Ăn		x												
1409	Rủ		x												
1410	Dừng (lại)		x												
1411	Chơi đùa	x													
1412	Chìm	x													
1413	Rơi		x												
1414	Dành		x												
1415	Hình dung	x		38/ Quê ngoại/ Nguyễn Quang Thiều/34							x			x	109-110
1416	Nở		x												

1417	Không thể	x													
1418	Quên	x													
1419	Cười	x													
1420	Yêu quý	x													
1421	Kể	x													
1422	Nghỉ hè	x													
1423	Được	x													
1424	Đưa	x													
1425	Ra	x													
1426	Thả	x													
1427	Lấy	x													
1428	Làm	x													
1429	Thổi	x													
1430	Thăm	x													
1431	Trở về	x													
1432	Cảm thấy	x													
1433	Có	x													
1434	Đến	x													
1435	Mơ	x													
1436	Ở	x													
1437	Tỉnh giấc	x													
1438	Muốn	x													
1439	Ngủ	x													
1440	Nhìn thấy	x													
1441	Gặp	x													
1442	Ngắm	x													
1443	Thấy	x													

1444	Biết	x													
1445	Bảo	x													
1446	Hỏi	x													
1447	Đặt	x													
1448	Thiếp đi	x													
1449	Là	x		39/Ngôi nhà của yêu thương/ Lương Thanh Bình/42								x		x	117
1450	Học	x													
1451	Mang về	x													
1452	Bảo	x													
1453	Đọc	x													
1454	Quý	x													
1455	Biết	x													
1456	Có	x													
1457	Ăn	x													
1458	Làm	x													
1459	Nằm	x													
1460	Ngủ	x													
1461	Xem	x													
1462	Thấy	x													
1463	Ở	x													
1464	Bị		x												
1465	Đốt cháy		x												
1466	Đổ nát		x												
1467	Tốn		x												
1468	Đi	x													
1469	Phá	x													
1470	Vứt	x													

1471	Xuống	x													
1472	Ra	x													
1473	Nuôi		x												
1474	Phải		x												
1475	Xây dựng	x													
1476	Sống	x													
1477	Hót		x												
1478	Cần	x	x												
1479	Nhốt		x												
1480	Lang thang	x													
1481	Vứt bỏ	x													
1482	Thêm	x													
1483	Xây	x													
1484	Bắn	x													
1485	Săn	x													
1486	Gần gũi		x												
1487	Nghe	x													
1488	Múa		x												
1489	Nhớ	x													
1490	Viết	x													
1491	Du lịch	x		40/ Chuyến du lịch thú vị/ Dương Thụy/40								x		x	123-124
1492	Nghỉ hè	x													
1493	Được	x													
1494	Đến	x													
1495	Đi	x													
1496	Dự	x													
1497	Hội thảo	x													

1498	Dẫn đi	x													
1499	Thăm	x													
1500	Leo lên	x													
1501	Ra khỏi	x													
1502	Nắm	x													
1503	Thì thầm	x													
1504	Đứng	x													
1505	Ngắm nhìn	x													
1506	Vượt		x												
1507	Thấy	x													
1508	Nói	x													
1509	Lắp đặt		x												
1510	Tạo nên		x												
1511	Làm		x												
1512	Gọi	x													
1513	Đưa	x													
1514	Tham quan	x													
1515	Hết		x												
1516	Đi dạo	x													
1517	Hạ	x													
1518	Tạm biệt	x													
1519	Đi lại	x													
1520	Ở	x													
1521	Nhớ	x													
1522	Trở nên		x												
1523	Nhờ	x													
1524	Có	x													

1525	Phải	x													
1526	Thêm	x													
1527	Còn	x													
1528	Khám phá	x													
1529	Cười vang	x													
1530	Bước đi	x													

3. Văn bản thông tin

Stt	Động từ	Vai trò của động từ		Stt/Tên văn bản/tác giả/ số lượng động từ trong văn bản	Chủ đề								Sách Tiếng Việt		Trang
		1	2		1	2	3	4	5	6	7	8	T1	T2	
1	Làm	x		1/ Làm thỏ con bằng giấy/ Lam Anh/13			x						x		93-94
2	Quyết định	x													
3	Tặng	x													
4	Chuẩn bị	x													
5	Cắt	x													
6	Gấp	x													
7	Dán	x													
8	Tạo	x													
9	Vẽ	x													
10	Trang trí	x													
11	Có	x													
12	Hi vọng	x													
13	Đón nhận	x													
14	Là	x		2/Hải Thượng Lãn Ông/ Nguyễn Liêm/37					x					x	8-9
15	Học	x													
16	Có	x													
17	Bị	x													

18	Ốm	x													
19	Được	x													
20	Chữa	x													
21	Nhận thấy	x													
22	Biết	x													
23	Cứu	x													
24	Giúp	x													
25	Quyết	x													
26	Lên	x													
27	Tìm	x													
28	Về	x													
29	Đóng	x													
30	Đọc	x													
31	Chữa	x													
32	Quản	x													
33	Trèo	x													
34	Lội	x													
35	Đi	x													
36	Khám	x													
37	Cho	x													
38	Lấy	x													
39	Chữa trị	x													
40	Chạy (đến)	x													
41	Nhờ cậy	x													
42	Đi lại	x													
43	Thăm khám	x													
44	Thuyên giảm		x												

45	Làm	x													
46	Dành	x													
47	Nghiên cứu	x													
48	Viết	x													
49	Để	x													
50	Coi	x													
51	Bảo tồn		x	3/ Khu bảo tồn động vật hoang dã Ngô- rông-gô- rô/ Minh Quang/ 21								x		x	113-114
52	Có		x												
53	Nằm		x												
54	Là		x												
55	Được		x												
56	Đặt		x												
57	Công nhận		x												
58	Sinh sống		x												
59	Sợ		x												
60	Bị		x												
61	Săn bắn		x												
62	Nằm nghỉ		x												
63	Dửng dưng		x												
64	Nhìn		x												
65	Lướt (qua)		x												
66	Đi (qua)		x												
67	Sống		x												
68	Cất		x												
69	Tạo nên		x												
70	Phủ		x												
71	Nghĩ	x													

72	Là		x	4/ Băng tan/ Trịnh Xuân Thuận/25								x		x	120
73	Dẫn đến		x												
74	Tan		x												
75	Làm		x												
76	Thay đổi		x												
77	Sống		x												
78	Khiến		x												
79	Có		x												
80	Tuyệt chủng		x												
81	Buộc		x												
82	Phải		x												
83	Bơi		x												
84	Kiếm ăn		x												
85	Mất		x												
86	Ở		x												
87	Cư trú		x												
88	Dâng		x												
89	Xâm nhập		x												
90	Nhiễm		x												
91	Có thể		x												
92	Bị		x												
93	Nhấn chìm		x												
94	Thoát khỏi	x													
95	Cần	x													
96	Bảo vệ	x													
97	Được		x	5/Lễ hội ở Nhật Bản/ Bùi Văn Hòa/20								x		x	127-128
98	Xem		x												

99	Là		x												
100	Bắt đầu		x												
101	Nở rộ		x												
102	Ngồi	x													
103	Ngắm	x													
104	Liên hoan	x													
105	Hát hò	x													
106	Nhảy múa	x													
107	Tự hào		x												
108	Mệnh danh		x												
109	Cầu	x													
110	Trưng bày	x													
111	Quây quần	x													
112	Ăn	x													
113	Dành		x												
114	Treo	x													
115	Thể hiện	x													
116	Ước mong	x													

4.Kịch

Stt	**Động từ**	**Vai trò của động từ**		**Stt/Tên văn bản/tác giả/ số lượng động từ trong văn bản**	**Chủ đề**								**Sách Tiếng Việt 4**		**Trang**
		1	2		1	2	3	4	5	6	7	8	T1	T2	
1	Được	x		1/ Ở vương quốc tương lai/ Mát - tec –lich/32				x					x		125-126
2	Giúp đỡ	x													
3	Vượt	x													
4	Đến	x													
5	Tìm	x													
6	Chữa	x													

7	Thuật lại		X												
8	Tới	x													
9	Trò chuyện	x													
10	Ra đời	x													
11	Có		X												
12	Chơi đùa	x													
13	Làm việc	x													
14	Đi lại	x													
15	Ngồi	x													
16	Suy nghĩ	x													
17	Làm	x													
18	Dùng	x													
19	Sáng chế	x													
20	Chế ra	x													
21	Ăn		X												
22	Chế	x													
23	Muốn	x													
24	Xem	x													
25	Đi (ra)	x													
26	Mang	x													
27	Biết	x													
28	Tỏa (ra)	x													
29	Lại	x													
30	Bay		x												
31	Dò tìm		x												
32	Giấu		x												

CHÚ THÍCH TRONG BẢNG PHỤ LỤC

Trong ô "Vai trò của động từ"

Số	Nội dung tương ứng
1	Động từ chỉ hoạt động, trạng thái của người
2	Động từ chỉ trạng thái của cây cối, đồ vật, con vật, cảnh vật, hiện tượng tự nhiên

Trong ô "Chủ đề"

Số	Nội dung tương ứng
1	Mỗi người một vẻ
2	Trải nghiệm khám phá
3	Niềm vui sáng tạo
4	Chắp cánh ước mơ
5	Sống để yêu thương
6	Uống nước nhớ nguồn
7	Quê hương trong tôi
8	Vì một thế giới bình yên

Trong ô "Sách Tiếng Việt 4"

Từ ngữ được viết tắt	Chữ viết tắt
Tập 1	T1
Tập 2	T2